

ẢNH HƯỞNG CỦA MÔ HÌNH ĐÔ THÀNH LẠC DƯƠNG VÀ KHAI PHONG ĐẾN QUY HOẠCH HOÀNG THÀNH THĂNG LONG THỜI LÝ-TRẦN

Phạm Lê Huy*

Lời mở đầu

Từ trước đến nay, nghiên cứu so sánh vẫn thường được nhắc đến như một hướng tiếp cận quan trọng để nghiên cứu hoàng thành Thăng Long. Tuy nhiên trên thực tế, hiện vẫn chưa có nhiều công trình nghiên cứu đi theo hướng tiếp cận này. Khó khăn trước hết nằm ở vấn đề đối tượng. Nếu so sánh Thăng Long với các mô hình đô thành ở Trung Quốc, chúng ta có các mô hình Lạc Dương thời Hán-Bắc Ngụy, Kiến Khang thời Lục Triều, Trường An - Lạc Dương thời Đường-Ngũ Đại, Khai Phong - Lạc Dương thời Bắc Tống v.v... Vấn đề là chúng ta sẽ phải lựa chọn mô hình nào để so sánh, tiếp theo đó là so sánh trên phương diện nào và so sánh như thế nào. Khó khăn còn đến từ vấn đề tư liệu cũng như khoảng trống về kiến thức của chúng ta đối với các kết quả nghiên cứu đô thành của Trung Quốc nói riêng và khu vực Đông Bắc Á nói chung.

Trong quãng thời gian từ ngày 10 đến ngày 21 tháng 8 năm 2011, theo chương trình của Quỹ Tín thác UNESCO, dưới sự hướng dẫn của các Giáo sư Nguyễn Quang Ngọc (Đại học Quốc gia Hà Nội), Momoki Shiro (Đại học Osaka), Yao Takao (Đại học Hiroshima), một số nghiên cứu viên trẻ người Việt Nam và Nhật Bản đã có được một chuyến khảo sát về các đô thành Trung Quốc tại Khai Phong, Trịnh Châu, Lạc Dương và Tây An. Trong chuyến khảo sát này, chúng tôi đã có điều kiện tiếp xúc với nhiều nguồn tư liệu, bao gồm cả tư liệu chữ viết, hình vẽ, tư liệu điền dã và khảo cổ học về các đô thành Trung Quốc tồn tại từ thời Hán đến Bắc Tống. Qua đó, chúng tôi đã thu hoạch được một số ý tưởng về nghiên cứu hoàng thành Thăng Long từ góc độ so sánh. Bài viết này là sự thể nghiệm một phần các ý tưởng đó, cụ thể là nghiên cứu so sánh tên gọi, vị trí (bố cục), công năng của các công trình kiến trúc (cung điện, lầu gác, thành môn, điện môn) giữa hoàng thành Thăng Long thời Lý-Trần với đô thành Khai Phong-Lạc Dương thời Đường - Ngũ Đại - Bắc Tống.

Phương pháp mà chúng tôi áp dụng là: nếu đã có sự đồng nhất cả về tên gọi và công năng (hoặc tên gọi và vị trí) kiến trúc, có thể xác định mô hình đã ảnh hưởng đến quy hoạch hoàng thành Thăng Long thời Lý-Trần. Trên cơ sở đó, nếu tồn tại điểm tương đồng về một, hay một số yếu tố nào đó, có thể loại suy ra các yếu tố còn lại. Ví dụ, nếu giống nhau về mặt tên gọi - vị trí hoặc tên gọi - kiến trúc, có thể loại suy được công năng sử dụng của kiến trúc đó. Bên cạnh đó, nghiên cứu so sánh cũng giúp chỉ ra các yếu tố “gốc” (original) trong quy hoạch kinh đô Thăng Long.

* Khoa Đông phương học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHQG Hà Nội).

Tất nhiên, phương pháp loại suy không phải sẽ chính xác trong tất cả mọi trường hợp. Tuy nhiên, trong điều kiện tư liệu hết sức hạn hẹp hiện nay, nó ít nhiều sẽ cung cấp cho chúng ta một số kiến thức và hình dung rõ hơn về không gian hoàng thành Thăng Long thời Lý-Trần. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng hy vọng cung cấp một số đầu mối giúp giải mã các di cấu kiến trúc phát lộ tại khu vực 18 Hoàng Diệu và định hướng cho hoạt động khai quật trong thời gian sắp tới.

1. Chính điện Càn Nguyên - Triều Nguyên - Thiên An

Ảnh hưởng của mô hình Lạc Dương và Khai Phong đối với kinh đô Thăng Long thể hiện rõ nhất qua tên gọi chính điện thị triều (coi chầu).

Theo *Tống sử* và *Tống hội yếu*,⁽¹⁾ chính điện thị triều của Lạc Dương - Tây kinh thời Bắc Tống là điện Thái Cực. Thời Tùy, điện này có tên là điện Càn Dương, đến đầu thời Đường được đổi tên thành điện **Càn Nguyên**. Năm 688 (Thùy Cung 4), điện Càn Nguyên bị Võ Tắc Thiên phá đi để xây Minh Đường.⁽²⁾ Năm 716 (Khai Nguyên 5), Đường Huyền Tông xuống chiếu đổi lại tên cũ Càn Nguyên, năm 721 (Khai Nguyên 10) lại đổi thành Minh Đường, năm 738 (Khai Nguyên 27), phá tầng trên của Minh Đường, đổi tầng dưới thành điện Càn Nguyên.⁽³⁾ Năm 909 (Khai Bình 3) đời Hậu Lương, điện được đổi tên thành điện **Triều Nguyên**.⁽⁴⁾ Năm 924 (Đồng Quang 2), nhà Hậu Đường lại đổi tên thành Minh Đường. Năm 942 (Thiên Phúc 7), nhà Hậu Tấn đổi tên thành điện Tuyên Đức,⁽⁵⁾ sau lại khôi phục tên Minh Đường. Năm 978 (Thái Bình Hưng Quốc 3), Bắc Tống đổi tên thành điện Thái Cực. Như vậy, chúng ta thấy rằng tại chính điện của kinh đô Lạc Dương thời Đường-Hậu Lương đã từng có tên gọi Càn Nguyên và Triều Nguyên.

Cũng theo *Tống sử* và *Tống hội yếu*,⁽⁶⁾ chính điện thị triều của Khai Phong - Đông đô thời Bắc Tống là điện Đại Khánh. Điện Đại Khánh nguyên thời Hậu Lương có tên là điện Sùng Nguyên. Đến năm 922 (Càn Đức 2), nhà Tống tiến hành trùng tu và đổi tên thành điện **Càn Nguyên**. Năm 984 (Thái Bình Hưng Quốc 9), điện bị cháy, được trùng tu và đổi tên thành điện **Triều Nguyên**. Năm 1015 (Đại Trung Tường Phù 8), nhà Tống lại đổi tên thành điện **Thiên An**. Năm 1034 (*Tống sử* chép là Minh Đạo 3, *Tống hội yếu* chép là năm Cảnh Hựu nguyên niên), điện được đổi tên thành điện Đại Khánh. Nói tóm lại, tại kinh đô Khai Phong thời Bắc Tống, chúng ta cũng thấy có sự thay đổi tên gọi chính điện từ Càn Nguyên sang Triều Nguyên và sau đó là Thiên An.

Tại Việt Nam, có thể xác nhận sự tồn tại của một điện (lầu) tại kinh đô Hoa Lư có tên là **Càn Nguyên**. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, tháng Giêng mùa Xuân năm 992 (Nhâm Thìn),⁽⁷⁾ “nhà vua ngự điện Càn Nguyên xem đèn”. *Đại Việt sử lược* cũng chép về sự kiện này, nhưng viết là “lầu Càn Nguyên”.⁽⁸⁾ Chúng tôi cho rằng điện/lầu Càn Nguyên này là chính điện của Hoa Lư.

Sau khi dời đô về Thăng Long, Lý Thái Tổ đã cho khởi công xây dựng một loạt cung điện mới tại Thăng Long. Mục tháng 7 năm Canh Tuất (1010) của *Đại Việt sử ký toàn thư* và mục năm Canh Tuất (1010) của *Đại Việt sử lược* chép về sự kiện này như sau:

- Sử liệu 1: *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỷ, q. 2, Lý kỷ, Thái Tổ hoàng đế, Canh Tuất Thuận Thiên nguyên niên (1010), tháng 7:

遂於昇龍京城之內起造宮殿、前起乾元殿、以為視朝之所、左置集賢殿、右立講武殿、又啓飛龍門通迎春宮、丹鳳門通威遠門、正陽起高明殿、皆曰龍墀、墀之內引翼迴廊、周圍四面、乾元殿後置龍安、龍瑞二殿、以為燕寢之處、左建日光殿、右建月明殿、後起翠華、龍瑞二宮、以為宮女之居、修府庫、浚城隍、城之四面啓四門、東曰祥符、西曰廣福、南曰大興、北曰耀德、又於城內起興天御寺、五鳳星樓、城外離創造勝嚴寺。

Dịch nghĩa (có tham khảo bản dịch của Viện KHXH):

*Lối xây dựng các cung điện trong kinh thành Thăng Long, phía trước dựng điện **Càn Nguyên** làm chỗ coi châu, bên tả làm điện Tập Hiền, bên hữu dựng điện Giảng Võ. Lại mở cửa Phi Long thông với cung Nghênh Xuân, cửa Đan Phượng thông với cửa Uy Viễn, hướng chính nam dựng điện Cao Minh, thêm gọi là thêm rồng, trong thêm rồng có hành lang dẫn ra xung quanh bốn phía. Sau điện **Càn Nguyên** dựng hai điện Long An, Long Thụy làm nơi vua nghỉ. Bên tả xây điện Nhật Quang, bên hữu xây điện Nguyệt Minh, phía sau dựng hai cung Thúy Hoa, Long Thụy làm chỗ ở cho cung nữ. Dựng kho tàng, đắp thành, đào hào. Bốn mặt thành mở bốn cửa: phía đông gọi là cửa Tường Phù, phía tây gọi là cửa Quảng Phúc, phía nam gọi là cửa Đại Hưng, phía bắc gọi là cửa Diệu Đức. Lại ở trong thành làm Hưng Thiên Ngự Tự và Ngũ Phượng Tinh Lâu. Ngoài thành về phía nam dựng chùa Thắng Nghiêm.*

- Sử liệu 2: *Đại Việt sử lược*, Canh Tuất, Thuận Thiên 2 (1010):

昇龍京內起朝元殿、左置集賢殿、右置講武殿、左啓飛龍門、右啓丹鳳門、正陽啓高殿、階曰龍墀、墀內翼以迴廊、周圍四面、乾元殿後置龍安、龍瑞二殿、左建日光殿、右建月明殿、後有翠華宮、城之四面啓四門、東曰祥符、西曰廣福、南曰大興、北曰曜德、又於城內起興天寺五鳳星樓、城離方創勝嚴寺。

Dịch nghĩa (tham khảo bản dịch của GS Trần Quốc Vượng):

*Trong kinh Thăng Long xây điện **Triều Nguyên**, bên trái dựng điện Tập Hiền, bên phải dựng điện Giảng Võ, bên trái mở cửa Phi Long, bên phải mở cửa Đan Phượng, chính bắc mở Cao Điện. Thêm gọi là Long Trì, trong hai bên Long Trì có hành lang chạy chung quanh. Phía sau điện Càn Nguyên dựng hai điện Long An, Long Thụy, bên trái xây điện Nhật Quang, bên phải xây điện Nguyệt Minh, đằng sau có cung Thúy Hoa. Bốn phía thành mở bốn cửa: phía đông gọi là Tường Phù, phía tây gọi là Quảng Phúc, phía nam gọi là Đại Hưng, phía bắc gọi là Diệu Đức. Ở trong thành lại xây chùa Hưng Thiên, Ngũ Phượng Tinh Lâu, ở phía nam thành xây chùa Thắng Nghiêm.*

Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, chính điện thị triều của kinh thành Thăng Long được khởi xây năm 1010 có tên là điện **Càn Nguyên**. *Đại Việt sử lược* cũng chép về sự kiện này, nhưng ở phần đầu ghi là điện **Triều Nguyên**. Tuy nhiên, tên điện Triều Nguyên không xuất hiện thêm một lần nào nữa trong *Đại Việt sử lược*. Ngay trong nửa sau của ghi chép trên, *Đại Việt sử lược* lại chép tên điện **Càn Nguyên**.

Mặc dù không thể phủ định hoàn toàn khả năng các truyền bản của *Đại Việt sử lược* chép nhầm chữ “Càn” 乾 thành chữ “Triều” 朝 hoặc ngược lại, nhưng theo chúng tôi, vì tự dạng của hai chữ này là hoàn toàn khác nhau, nên xác suất xảy ra khả năng nêu trên là rất thấp. Ngoài ra, cũng khó có thể cho rằng vào năm 1010, trong kinh thành Thăng Long lại tồn tại hai tòa chính điện khác nhau, một là điện Triều Nguyên, hai là điện Càn Nguyên.

Trong trường hợp này, cách giải thích hợp lý nhất là khi dời đô từ Hoa Lư về Đại La, Lý Thái Tổ đã có ý đồ đổi tên chính điện Càn Nguyên, vốn tồn tại ở kinh đô Hoa Lư, thành điện Triều Nguyên. Tuy nhiên, việc đổi tên này hoặc là không triệt để (vẫn tiếp tục dùng song song với tên cũ Càn Nguyên kế thừa từ kinh đô Hoa Lư), hoặc việc đổi tên mới chỉ là dự định khi khởi công vào thời điểm tháng 7 năm 1010, trên thực tế trong quá trình thi công, tòa chính điện này đã được đổi lại thành điện Càn Nguyên.⁽⁹⁾ Dù thế nào đi chăng nữa, ghi chép của *Đại Việt sử lược* là dấu vết phản ánh sự tồn tại dù ngắn ngủi của tên chính điện Triều Nguyên tại kinh đô Thăng Long.

Như chúng ta đều biết, điện Triều Nguyên - Càn Nguyên đã bị sét đánh vào năm 1017 (Đinh Tỵ) và rơi vào tình trạng hư hại, khiến Lý Thái Tổ phải coi châu ở điện phía đông.⁽¹⁰⁾ Sau đó, dường như nó đã được trùng tu, vì trong Loạn tam vương năm 1018, chúng ta thấy có nhiều ghi chép liên quan đến các sự kiện diễn ra tại điện Càn Nguyên. Trải qua Loạn tam vương, do một nguyên nhân nào đó (nhiều khả năng liên quan đến những khuất tất trong việc tranh đoạt ngôi vị), điện đã bị Lý Phật Mã (tức Lý Thái Tông) cho san bằng. Đến tháng 6 năm 1029 (Kỷ Tỵ), nhân sự kiện rồng thân xuất hiện trên nền điện cũ, Lý Thái Tông cho hữu ty “mở rộng quy mô”, “chỉnh lại phương hướng”, tiến hành trùng tu và đổi tên thành điện **Thiên An**.⁽¹¹⁾

Để tiện theo dõi, chúng tôi liệt kê quá trình thay đổi các tên gọi chính điện ở Lạc Dương, Khai Phong của Trung Quốc và Hoa Lư, Thăng Long của Việt Nam theo bảng dưới đây.

Niên đại	Chính điện	Lạc Dương	Khai Phong	Hoa Lư - Thăng Long
Thời Tùy 隋		Càn Dương 乾陽		
Đường sơ 唐初		Càn Nguyên 乾元		
688 (Võ Chu) 武周		Minh Đường 明堂 Càn Nguyên 乾元		
909 (Hậu Lương) 後梁		Triều Nguyên 朝元	Sùng Nguyên 崇元	
922 (Bắc Tống) 北宋			Càn Nguyên 乾元	
924 (Hậu Đường) 後唐		Minh Đường 明堂		
942 (Hậu Tấn) 後晋		Tuyên Đức 宣德		
978 (Bắc Tống) 北宋		Thái Cực 太極		
984 (Bắc Tống) 北宋			Triều Nguyên 朝元	
992 (Bắc Tống) 北宋				Càn Nguyên (?) (Hoa Lư) 乾元 (華間)
1010 (Bắc Tống) 北宋				Triều Nguyên - Càn Nguyên 朝元 - 乾元
1015 (Bắc Tống) 北宋			Thiên An 天安	
1029 (Bắc Tống) 北宋				Thiên An 天安
1034 (Bắc Tống) 北宋			Đại Khánh 大慶	

Qua bảng trên, có thể rút ra được một số kết luận như sau:

Thứ nhất, các tên gọi Càn Nguyên, Triều Nguyên, Thiên An không phải là đặc điểm riêng của kinh đô Hoa Lư, Thăng Long. Cách đặt tên đó **thể hiện ảnh hưởng từ Trung Quốc, cụ thể là mô hình Lạc Dương thời Đường-Hậu Lương hoặc mô hình Khai Phong thời Bắc Tống**.

Đối với tên gọi Càn Nguyên ở Hoa Lư và Triều Nguyên - Càn Nguyên ở Thăng Long giai đoạn 1010-1029, việc xác định mô hình ảnh hưởng tương đối phức tạp. **Có hai mô hình mà hoàng thành Thăng Long giai đoạn 1010-1029 có thể chịu ảnh hưởng: đó là mô hình Lạc Dương thời Đường (Càn Nguyên) - Hậu Lương (Triều Nguyên) và mô hình Khai Phong thời Bắc Tống (Càn Nguyên - Triều Nguyên).** Nếu xét đến việc các đoàn sứ giả của nhà Đinh - Tiền Lê - Lý liên tục sang nhà Tống (thống kê từ *Tống sử* và *Tống hội yếu* cho thấy tính đến năm 1022 có ít nhất 14 lần sứ giả Giao Châu, tức Đại Cồ Việt sang nhà Tống vào các năm 968, 980, 982, 985, 988, 990, 1001, 1004, 1007, 1009, 1010, 1011, 1014, 1022), cũng là tự nhiên khi quy hoạch Hoa Lư-Thăng Long chịu nhiều ảnh hưởng trực tiếp từ mô hình Khai Phong của Bắc Tống. Mặt khác, cũng không thể loại trừ khả năng quy hoạch Hoa Lư-Thăng Long cũng mang tính “hoài cổ” và chịu ảnh hưởng từ một số mô hình cổ điển hơn, cụ thể là mô hình Lạc Dương thời Đường-Hậu Lương. Chúng tôi cho rằng **quy hoạch Hoa Lư hay Thăng Long (đặc biệt là Thăng Long giai đoạn 1010-1029) không nhất thiết chịu ảnh hưởng từ một mô hình duy nhất mà có thể từ cả hai mô hình Lạc Dương và Khai Phong.** Ảnh hưởng của cả hai mô hình Lạc Dương và Khai Phong đến Hoa Lư-Thăng Long sẽ được chúng tôi phân tích kỹ hơn ở các phần sau.

Về tên gọi điện Thiên An năm 1029, theo khảo sát tư liệu của chúng tôi, ngoài kinh đô Khai Phong thời Bắc Tống, tên điện Thiên An chỉ xuất hiện tại Lạc Dương thời Bắc Ngụy. Tuy nhiên, chính điện thị triều của kinh đô Lạc Dương thời Bắc Ngụy là điện Thái Cực, điện Thiên An chỉ có chức năng như một tấm điện của nhà vua. Có thể thấy điều đó qua ghi chép của *Bắc sử* cho biết điện Thiên An là nơi Ngụy Thái Tổ băng hà năm 407 (Thiên Tứ 4).⁽¹²⁾ Chính vì vậy, có thể khẳng định sự xuất hiện của điện Thiên An trong quy hoạch Thăng Long năm 1029 không liên quan đến điện Thiên An ở Lạc Dương thời Bắc Ngụy. **Việc đổi tên chính điện Càn Nguyên thành Thiên An năm 1029 tại Thăng Long chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc nhà Bắc Tống đổi tên chính điện Càn Nguyên thành Thiên An tại Khai Phong năm 1015.** Có thể tái xác nhận ảnh hưởng của mô hình Khai Phong đối với quy hoạch kinh đô Thăng Long năm 1029 qua tên gọi và công năng một số cung điện và kiến trúc khác mà chúng tôi sẽ phân tích kỹ hơn ở phần sau.

Mặt khác, sau khi được đổi tên năm 1029, tên gọi điện Thiên An đã được sử dụng trong suốt thời Lý và cả thời Trần.⁽¹³⁾ Trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, ghi chép cuối cùng đề cập đến sự tồn tại của điện Thiên An là sự kiện đãi yến và ban thưởng cho các quan năm 1371 dưới thời Trần Nghệ Tông. Như vậy, **việc nhà Bắc Tống đổi tên chính điện Thiên An thành điện Đại Khánh ở Khai Phong năm 1034 cũng như những thay đổi sau này về tên gọi chính điện dưới các thời Nam Tống, Nguyên, Minh đã không còn ảnh hưởng đến kinh đô Thăng Long thời Lý-Trần.**

Có sự tương đồng không chỉ về tên gọi mà cả về mặt quy mô giữa điện Thiên An ở Thăng Long và điện Thiên An (Đại Khánh) tại Khai Phong. Theo *Tống hội yếu*, điện Thiên An tại Khai Phong có quy mô “điện 9 gian, hiệp [chái] mỗi bên 5 gian, hành lang đông tây mỗi bên 60 gian, có Long Trì, Sa Trì”.⁽¹⁴⁾ Trong khi đó, điện Thiên An thời Trần theo ghi chép của *Nguyên*

sử cũng có quy mô “9 gian”.⁽¹⁵⁾ Như vậy, ***cả điện Thiên An ở Thăng Long và điện Thiên An tại Khai Phong đều có kết cấu chính điện 9 gian.***

2. Cổng chính nam của cung thành: Từ Minh Đức Môn, Ngũ Phượng Lâu đến Dương Minh Môn

Bên cạnh tên gọi chính điện, có thể xác nhận ảnh hưởng của hai mô hình Lạc Dương và Khai Phong đối với cách đặt tên cổng chính nam cung thành Hoa Lư thời Tiên Lê và cung thành Thăng Long thời Lý-Trần. So sánh với mô hình Lạc Dương và Khai Phong, chúng ta cũng có thể làm rõ chức năng và đặc trưng kiến trúc cổng chính nam cung thành của các kinh đô Việt Nam.

2.1. Minh Đức Môn - cổng chính nam cung thành Hoa Lư

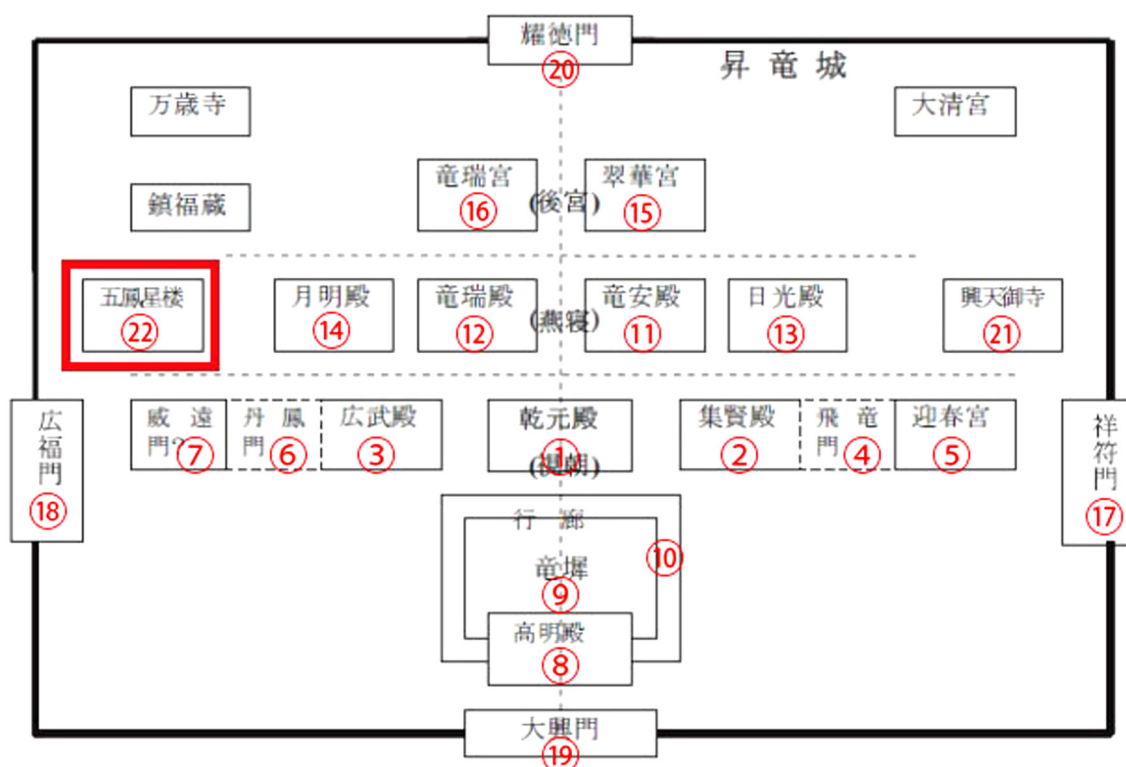
Qua nhiều nguồn tư liệu, có thể xác định tên cổng chính nam của cung thành Hoa Lư là ***Minh Đức Môn***. Như chúng ta đã biết, năm 990, nhà Tống cử sứ giả là Tống Cảo đến Hoa Lư. *Tống sử* đã ghi lại hành trình cũng như những trải nghiệm của Tống Cảo, những ghi chép này sau đó cũng được Lê Tắc trích lục trong sách *An Nam chí lược*. Theo lời tấu của Tống Cảo với hoàng đế nhà Tống, “phủ thự [của Lê Hoàn, tức Hoa Lư - PLH] trùng hợp, cổng đề chữ Minh Đức Môn”.⁽¹⁶⁾ Ngoài ra, Minh Đức Môn cũng được nhắc đến trong ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư*. Theo *Toàn thư*, khi bọn Tống Cảo đem chế sách của hoàng đế nhà Tống đến Hoa Lư sắc phong cho Lê Hoàn, “đến cửa Minh Đức, vua [tức Lê Hoàn - PLH] bưng chế thư để lên trên điện, không lạy, nói dối là năm vừa rồi đi đánh giặc Man, bị ngã ngựa đau chân”.⁽¹⁷⁾

Như vậy, qua mô tả của *Tống sử* và *Đại Việt sử ký toàn thư*, có thể xác định Minh Đức Môn là cổng chính nam của cung thành Hoa Lư.

Chúng tôi muốn lưu ý rằng ***Minh Đức Môn*** vốn là tên cổng thành được sử dụng ở cả Lạc Dương và Khai Phong. Tại Lạc Dương, bản vẽ *Lạc Dương cung thành hoàng thành đồ* thời Đường có trong sách *Vĩnh Lạc đại điển* cho thấy Minh Đức Môn là một cổng ở phía nam cung thành Lạc Dương thời Đường. Tuy nhiên, Minh Đức Môn không phải là cổng chính nam. Cổng chính nam của cung thành Lạc Dương là Ứng Thiên Môn (sau này đổi thành Ngũ Phượng Lâu), Minh Đức Môn là cổng bên trái (phía đông), ngoài ra còn một cổng bên phải (phía tây) là Trường Lạc Môn (Hình 1).

Tại Khai Phong, cổng chính nam cung thành từng có tên gọi Minh Đức Môn. Theo *Tống sử* và *Tống hội yếu*, cổng chính nam cung thành của kinh đô Khai Phong vào thời Hậu Lương được gọi là Kiến Quốc, sau đổi thành Hàm An. Đến đầu thời Hậu Tấn lấy tên là Hiển Đức Môn, theo *Cựu Ngũ đại sử* đến năm 938 (Thiên Phúc 3) đổi thành ***Minh Đức Môn***.⁽¹⁸⁾ Đến năm 978 (Thái Bình Hưng Quốc 3) thời Bắc Tống, cổng được đổi tên thành Đan Phượng Môn. Năm 981 (Thái Bình Hưng Quốc 9), nhà Tống đổi tên thành Càn Nguyên Môn, năm 1015 (Đại Trung Tường Phù 8) đổi thành Dương Minh Môn. Năm 1034 (Cảnh Hựu nguyên niên) đổi tên thành Tuyên Đức Môn.⁽¹⁹⁾ Có thể thấy Minh Đức Môn là tên cổng chính nam của cung thành Khai Phong suốt từ năm 938 đến năm 978 (xem hình 6-1).

Như vậy, rõ ràng ***tên gọi Minh Đức Môn của kinh đô Hoa Lư cũng chịu ảnh hưởng từ mô hình Lạc Dương hoặc Khai Phong.*** Nếu xét đến

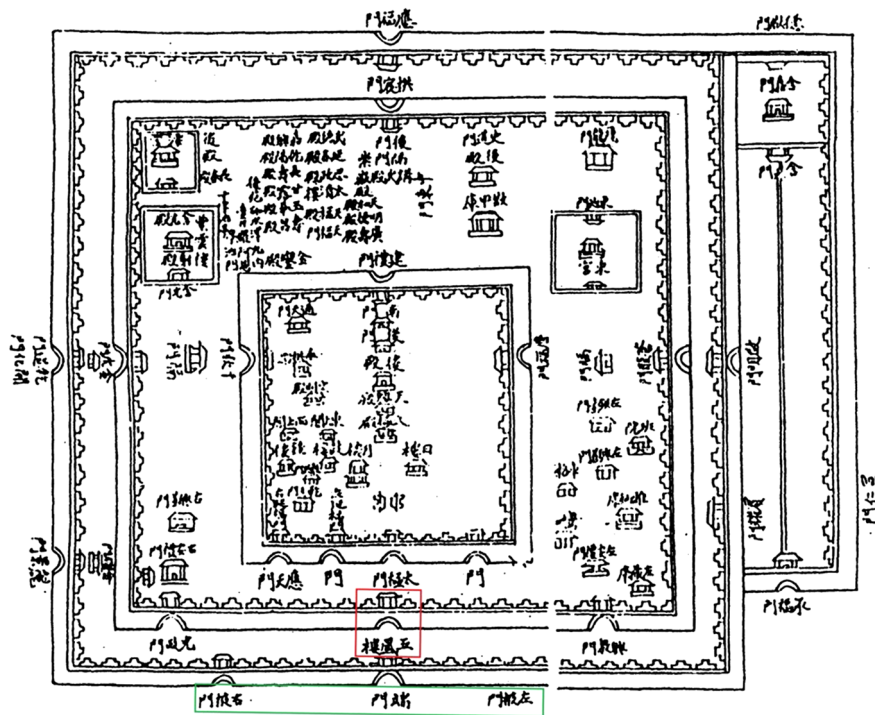


Chú thích:

- | | |
|---|-------------------------|
| 1. Triều Nguyên - Càn Nguyên Điện | 2. Tập Hiền Điện |
| 3. Giảng Võ Điện (phần chữ Hán ghi nhầm thành Quảng Võ) | 4. Phi Long Môn |
| 5. Nghinh Xuân Cung | 6. Đan Phượng Môn |
| 7. Uy Viễn Môn | 8. Cao (Minh) Điện |
| 9. Long Trì | 10. Hành lang |
| 11. Long An Điện | 12. Long Thụy Điện |
| 13. Nhật Quang Điện | 14. Nguyệt Minh Điện |
| 15. Thúy Hoa Cung | 16. Long Thụy Cung |
| 17. Tường Phù Môn | 18. Quảng Phúc Môn |
| 19. Đại Hưng Môn | 20. Diệu Đức Môn |
| 21. Hưng Thiên Ngự Tự | 22. Ngũ Phượng Tinh Lâu |

Hình 2: Sơ đồ phục dựng quy hoạch Thăng Long 1010 của Lê Văn Lan (2004), được sửa chữa bởi Yao Takao (2007)⁽²¹⁾ và Momoki Shiro (2010).

Tuy nhiên, qua khảo sát kiến trúc đô thành Trung Quốc, chúng tôi nhận thấy **Ngũ Phượng Lâu vốn là cách gọi đặc biệt của kiến trúc cổng chính nam cung thành Lạc Dương, tồn tại suốt từ thời Đường đến thời Bắc Tống.**⁽²²⁾ Sách *Hà Nam chí*⁽²³⁾ do Tống Mẫn Cầu biên soạn đời Bắc Tống cho biết Ngũ Phượng Lâu vào thời Tùy vốn có tên là Tắc Thiên Môn, đến thời Võ Hậu do kỵ húy Võ Tắc Thiên nên được đổi tên thành Ứng Thiên Môn. Đến thời Đường Trung Tông, do kỵ húy, cổng này được đổi tên thành Thần Long Môn, nhưng không lâu sau đó lại được phục hồi tên cũ là Ứng Thiên Môn. Năm 905 (Thiên Hựu 2) được đổi tên thành **Ngũ Phượng Lâu.**⁽²⁴⁾ Đặc biệt, năm 909 (Khai Bình 3) đời Hậu Lương, cùng với việc đổi tên chính điện từ Hàm Nguyên thành Càn Nguyên, Lương Thái Tổ cũng cho trùng tu Ngũ Phượng Lâu. Tên gọi Ngũ Phượng Lâu sau đó tiếp tục được sử dụng trong thời Bắc Tống. Việc đặt tên



Hình 3:
Vị trí Ngũ
Phụng Môn,
Đoan Môn và
Tả Hữu Dịch
Môn trong
Tống Tây
kinh thành đồ.
Nguồn:
Hà Nam chí,
Tùng thư tập
thành tục biên,
tập 54, Nxb
Thượng Hải thư
điểm, tr. 42.



Hình 4:
Ngọ Môn
(phía trên là
Ngũ Phụng
Lâu) tại Kinh
Thành Huế.
Nguồn:
[www.
cuocsongviet.
com](http://www.cuocsongviet.com)

cổng chính nam của cung thành là Ngũ Phụng Lâu có ảnh hưởng đến nhiều kinh đô sau này của Trung Quốc và Việt Nam, tiêu biểu như Ngọ Môn thời Minh-Thanh hay Ngọ Môn ở Kinh Thành Huế cũng có kiến trúc Ngũ Phụng (Phụng) Lâu.

Như vậy, chúng ta thấy rằng Ngũ Phụng Lâu không phải là tên gọi một kiến trúc lầu gác thông thường, mà là một thuật ngữ chỉ cổng chính nam cung thành Lạc Dương tồn tại suốt từ cuối thời Đường đến thời Bắc Tống.

Do vậy, kiến trúc Ngũ Phượng Lâu được vua Lý Thái Tổ xây dựng năm 1010 nhiều khả năng là cổng chính nam của cung thành Thăng Long, chịu ảnh hưởng từ mô hình Lạc Dương. Vị trí của Ngũ Phượng (Tinh) Lâu sẽ nằm trên trục trung tâm, ở phía bắc của Đại Hưng Môn (tức cửa chính nam của hoàng thành), phía nam của Cao Điện (hay Cao Minh Điện).⁽²⁵⁾



Sơ đồ 1: Sơ đồ tương quan vị trí của Ngũ Phượng Lâu và các kiến trúc khác trên trục trung tâm tại Thăng Long năm 1010.



Sơ đồ 2: Sơ đồ tương quan vị trí của Ngũ Phượng Lâu và các kiến trúc khác trên trục trung tâm tại Thăng Long năm 1029.

2.2.2. Dương Minh Môn thời Trần

Như đã trình bày ở trên, tên gọi kiến trúc Ngũ Phượng Lâu chỉ xuất hiện trong các ghi chép của *Đại Việt sử lược* năm 1010 và *Đại Việt sử ký toàn thư* năm 1010, 1014.

Bước sang thời Trần, chúng ta thấy xuất hiện khá nhiều ghi chép đề cập đến một cổng thành ở phía nam gọi là Dương Minh Môn. Trước tiên, theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, năm 1281 (Tân Tỵ), sứ giả nhà Nguyên là Sài Thung đã cưỡi ngựa vào thẳng **Dương Minh Môn**, khi bị quân sĩ Thiên Trường ngăn lại, Thung cưỡi ngựa chạy thẳng đến điện Tập Hiền, thấy giăng bày màn trướng mới chịu xuống ngựa.⁽²⁶⁾

Dương Minh Môn cũng xuất hiện trong ghi chép của Trần Phu, sứ giả nhà Nguyên đến Thăng Long năm 1293 (Chí Nguyên 30). Theo *Trần Cương Trung thi tập*, “Đến nơi ở của tù trưởng [tức vua Trần - PLH], cổng viết là **Dương Minh Môn**, trên có gác viết là **Triều Thiên Các**. Bên trái có cửa nhỏ là **Nhật Tân Môn**, phải có cửa nhỏ là **Vân Hội Môn**. Bên trong cổng có giếng trời rộng vài chục trượng. Đi lên từ bậc thềm, bên dưới gác có biển đề **Tập Hiền Điện**, trên có gác lớn là **Minh Linh Các**. Bên phải đường có hành lang dẫn đến điện lớn gọi là điện Đức Huy, cổng trái là Đồng Nhạc Môn, cổng phải là Kiều Ứng Môn, biển đều là chữ vàng.”⁽²⁷⁾

Truyện Lương Tăng - sứ giả nhà Nguyên sang Đại Việt cùng với Trần Phu năm 1293 trong *Nguyên sử* cũng chép: “Nước đó có 3 cổng: giữa là **Dương Minh**, trái là **Nhật Tân**, phải là **Vân Hội**.” Khi đó, nước ta muốn đón sứ Nguyên ở cửa Nhật Tân, Tăng không chịu. Ta lại mở cửa Vân Hội, Tăng vẫn cố chấp muốn vào bằng cửa Dương Minh.⁽²⁸⁾

Mô tả quang cảnh hoàng thành Thăng Long khi bị quân Nguyên tạm chiếm năm 1285, *Nguyên sử* viết: “Cung thất nơi ở có 5 cổng, biển viết chữ **Đại Hưng Chi Môn, Tả Hữu Dịch Môn**. Chính điện có 9 gian viết chữ **Thiên An Ngự Điện. Cổng chính nam (Chính Nam Môn)** viết chữ **Triều Thiên Các**”.⁽²⁹⁾



Sơ đồ 3: Sơ đồ tương quan vị trí của Dương Minh Môn và các kiến trúc khác trên trục trung tâm tại Thăng Long thời Trần.

Theo các ghi chép trên, kiến trúc phức hợp Dương Minh Môn-Triều Thiên Các là “Chính Nam Môn” - cổng chính nam, nằm phía bắc Đại Hưng Môn. Sứ thần nhà Nguyên mỗi khi đến Dương Minh Môn về nguyên tắc phải xuống ngựa. Đi qua Dương Minh Môn là đến kiến trúc Tập Hiền Điện - Minh Linh Các.

Mặt khác, như đã trình bày ở phần trước, Dương Minh Môn lại chính là tên cổng chính nam của cung thành Khai Phong được đặt năm 1015 (tiền thân là Minh Đức, Đan Phượng, Càn Nguyên Môn, đến 1034 được đổi tên thành Tuyên Đức Môn).

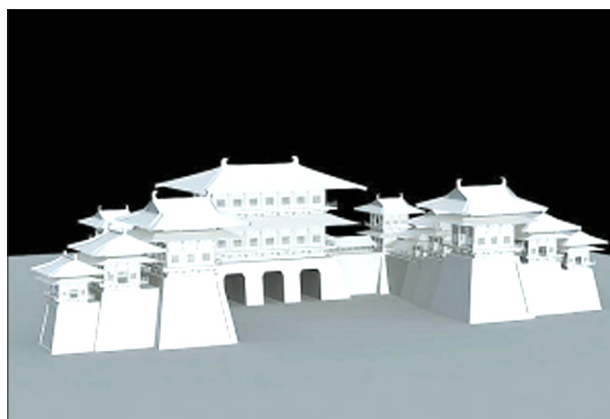
Tổng hợp các thông tin nêu trên, có thể suy đoán **Dương Minh Môn chính là cổng chính nam của cung thành Thăng Long thời Trần**. Nếu vị trí cổng chính nam cung thành không thay đổi, Dương Minh Môn thời Trần là tên gọi mới của Ngũ Phượng Lâu thời Lý.

2.3. Kiến trúc Ngũ Phượng Lâu và Dương Minh Môn

Hiện nay, các cuộc khai quật của chúng ta tại hoàng thành Thăng Long vẫn chưa phát hiện được vị trí của cổng chính nam cung thành thời Lý-Trần. Ở phần này, chúng tôi muốn đưa ra một số tiêu chí về kiến trúc để các nhà khảo cổ tham khảo trong quá trình khai quật.

Một trong các đặc trưng kiến trúc tiêu biểu của cổng chính nam cung thành tại các kinh đô Trung Quốc là **kiến trúc “cửa khuyết”** có hình 凹, với các khuyết dài ở hai bên hướng về phía bắc hoặc phía nam. Kiến trúc “cửa khuyết” đã được du nhập vào Việt Nam, hiện nay có thể quan sát rất rõ tại di tích Đuan Môn của hoàng thành Thăng Long thời Lê (khuyết dài hướng bắc) và Ngọ Môn của Kinh Thành Huế thời Nguyễn (khuyết dài hướng nam). Tại di chỉ Ứng Thiên Môn (Ngũ Phượng Lâu) ở Lạc Dương, các nhà khảo cổ học Trung Quốc đã tìm thấy cấu trúc “cửa khuyết” với đặc trưng khuyết dài hướng nam, “song hướng tam xuất khuyết”, tức là khuyết dài giạt thành 3 cấp và về 2 hướng (Hình 5).

Kiến trúc Ngũ Phượng Lâu thời Lý, Dương Minh Môn thời Trần rất có thể cũng được xây dựng với cấu trúc “cửa khuyết”. Có thể nói khuyết dài sẽ là một tiêu chí quan trọng để các nhà khảo cổ học Việt Nam xác định vị trí cổng chính nam của cung thành Thăng Long thời Lý-Trần trong tương lai.



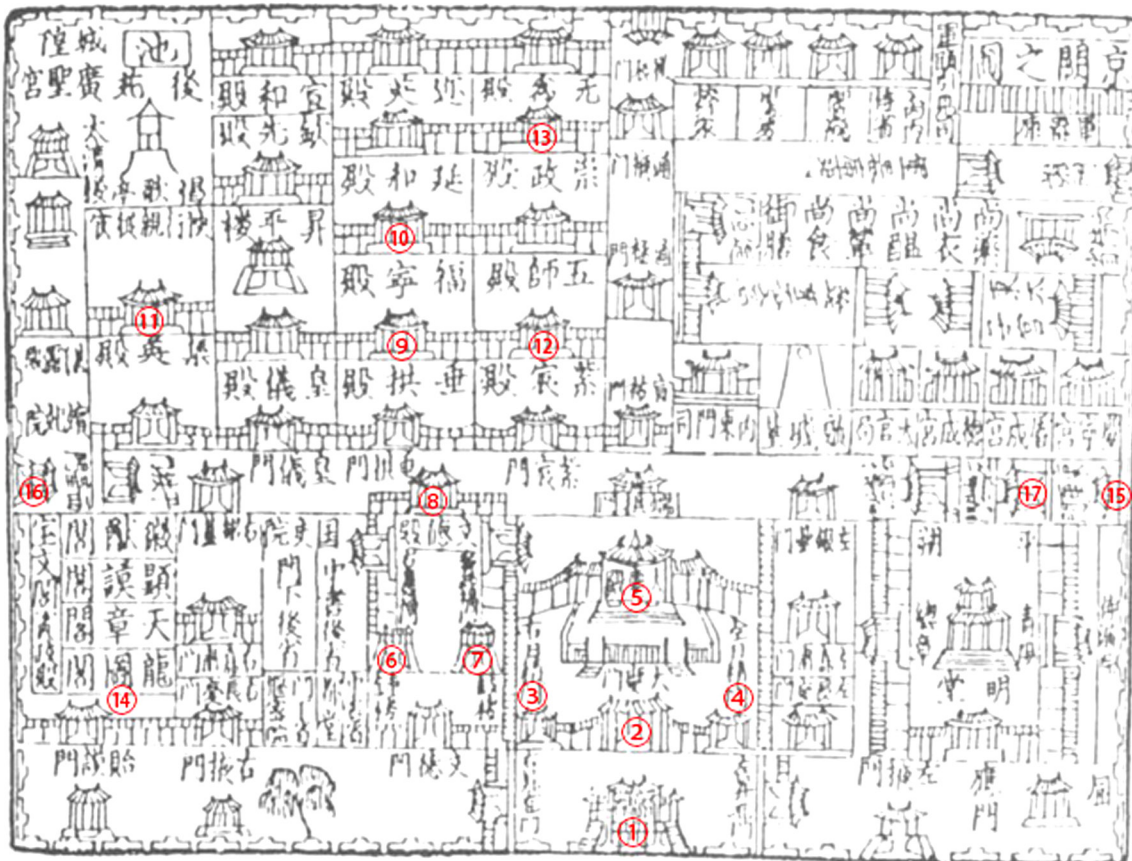
Hình 5: Hình phục dựng Ứng Thiên Môn thời Đường.
Nguồn: Lạc Dương nhật báo số ra ngày 9/8/2010.

Dương Minh Môn thời Trần là **kiến trúc dạng môn-các, phía dưới là cổng, phía trên là gác Triều Thiên**. Ngoài cổng chính còn có 2 cổng nhỏ, bên trái là Nhật Tân Môn, bên phải là Vân Hội Môn, tức là **kiến trúc tam môn đạo**. So sánh với di chỉ Ứng Thiên Môn (Ngũ Phượng Lâu) ở Lạc Dương, chúng ta thấy rằng mặc dù địa tầng ở giai đoạn muộn (tương

ứng với thời văn Đường và Bắc Tống) đã bị phá hoại nghiêm trọng, cuộc điều tra khảo cổ học năm 2001-2002 cũng đã xác định được tổng cộng 3 môn đạo tồn tại vào giai đoạn sớm (tương ứng với thời thịnh Đường).

3. Kiến trúc ngăn cách chính điện và cổng chính nam cung thành: Từ điện Cao (Minh), điện Phụng Thiên - gác Triều Dương thời Lý đến điện Tập Hiền - gác Minh Linh thời Trần

Tại Lạc Dương - Tây kinh thời Bắc Tống, theo *Tổng hội yếu*, phía trong của Ngũ Phượng Lâu là Thái Cực Môn, là cổng vào của chính điện Thái Cực. Cổng này thời Tùy có tên là Vĩnh Thái, đến thời Đường đổi thành Thông Thiên, Càn Nguyên. Năm 978 (Thái Bình Hưng Quốc 3), cùng với việc đổi tên



Chú thích:

- | | |
|---|-------------------------------------|
| 1. Tuyên Đức Môn (Minh Đức Môn) | 4. Hữu Nguyệt Tinh Môn (?) |
| 2. Đại Khánh Môn (Triều Nguyên, Càn Nguyên, Thiên An) | 6. Chung Lâu (lầu chuông) |
| 3. Tả Nhật Tinh Môn (?) | 8. Văn Đức Điện |
| 5. Đại Khánh Điện | 10. Phúc Ninh Điện (chính tẩm điện) |
| 7. Cổ Lâu (lầu trống) | 12. Tử Thần Điện (Sùng Đức Điện) |
| 9. Thủy Củng Điện (Trường Xuân Điện) | 14. Long Đồ Các |
| 11. Tập Anh Điện (Hàm Quang Điện) | 16. Tây Hoa Môn |
| 13. Sùng Chính Điện (Giảng Võ Điện) | 17. Tường Phù Môn |

Hình 6: Quy hoạch Khai Phong đời Bắc Tống (*Sự lâm quảng ký*)

chính điện thị triều thành điện Thái Cực, nhà Tống cũng đổi tên cổng này thành Thái Cực Môn⁽³⁰⁾ (Hình 7-7).

Tại Khai Phong - Đông đô thời Bắc Tống, theo *Tống hội yếu*, phía trong của Tuyên Đức Môn - cổng chính nam cung thành là Đại Khánh Môn, là cổng vào của chính điện Đại Khánh. Cổng này thời Lương gọi là Nguyên Hóa, đến thời Tống tên thường được đổi theo tên gọi chính điện.⁽³¹⁾

Như vậy, ở cả Lạc Dương và Khai Phong thời Bắc Tống, chính điện thị triều và cổng chính nam cung thành không kết nối trực tiếp với nhau mà được ngăn cách bởi một lớp kiến trúc là điện môn (Thái Cực Môn hoặc Đại Khánh Môn).

Trong quy hoạch Thăng Long năm 1010, phía trước điện Triều Nguyên - Thiên An bố trí một kiến trúc gọi là **Cao Điện** (*Đại Việt sử lược*) hoặc **Cao Minh Điện** (*Đại Việt sử ký toàn thư*) (sử liệu 1-2).⁽³²⁾ Tóm lại, **trong quy hoạch hoàng thành Thăng Long năm 1010, chính điện Triều Nguyên - Thiên An và cổng chính nam Ngũ Phượng Lâu được ngăn cách bởi một kiến trúc là Cao (Minh) Điện.**

Quy hoạch Thăng Long năm 1029 được mô tả khá chi tiết trong ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Đại Việt sử lược*.

- Sử liệu: *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỷ, Lý kỷ, Lý Thái Tông, Kỷ Ty Thiên Thành 2 (1029):

六月、龍見于乾元殿基、帝謂左右曰、朕既壞其殿、剗其基、而神龍猶見、意者景德龍興之勝地、居天地之正中乎、令有司廣其規模、正其背向、重脩之、因改天安殿、殿之左起宣德殿、右起延福殿、殿之前墀名龍墀、墀之東置文明殿、西置廣武殿、墀之左右對立鍾樓、以登聞小民庶獄冤枉、墀之四圍皆起廊廡、以聚會百官六軍之宿衛、前安奉天殿、上建正陽樓、以為主掌籌刻之處、後起長春殿、上建龍圖閣、以為宴寢遊玩之所、外築周圍城一重、名曰龍城。

Dịch nghĩa (tham khảo bản dịch của Nxb KHXH):

Tháng 6, rồng hiện lên ở nền điện Càn Nguyên. Vua nói với tả hữu rằng: “Trẫm phá điện ấy, san phẳng nền rồi mà rồng thân còn hiện. Có lẽ đó là đất tốt, đức lớn hưng thịnh, ở chỗ chính giữa trời đất chăng?” Bên sai Hữu ty mở rộng quy mô, nhắm lại phương hướng mà làm lại, đổi tên là điện Thiên An. Bên tả dựng điện Tuyên Đức, bên hữu dựng điện Diên Phúc, thêm trước điện gọi là Long Trì (thêm rồng). Phía đông thêm rồng đặt điện Văn Minh, phía tây đặt điện Quảng Vũ, hai bên tả hữu thêm rồng đặt lầu chuông đối nhau để dân chúng ai có việc kiện tụng oan uổng thì đánh chuông lên. Bốn xung quanh thêm rồng đều có hành lang để tụ họp các quan và sáu quân túc vệ. Phía trước làm **điện Phụng Thiên**, trên điện dựng **lầu Chính Dương** làm nơi trông coi tính toán giờ khắc, phía sau làm điện Trường Xuân, trên điện dựng gác Long Đồ làm nơi nghỉ ngơi du ngoạn. Bên ngoài đắp một lần thành bao quanh gọi là Long Thành.

- Sử liệu: *Đại Việt sử lược*, quyển Trung, Kỷ Ty Thiên Thành 2 (1029):

乃增廣其規模而重修之、改名曰天安殿、殿左起宣德殿、右起延福殿、前曰龍墀、東置文明殿、西置廣武殿、墀之左右對立鐘樓、以登聞冤獄之事、前安奉天殿、上建正陽樓、為掌漏刻之處、後起長春殿、上建龍閣、其外築城曰龍城。

Dịch nghĩa (theo bản dịch của Trần Quốc Vượng):

*Bên cho mở rộng thêm quy mô, sửa chữa lại điện đó [tức điện Càn Nguyên], đổi tên là điện Thiên An. Bên trái điện Thiên An xây điện Tuyên Đức, bên phải xây điện Diên Phúc, phía trước gọi là Long Trì, phía đông xây điện Văn Minh, phía tây xây điện Quảng Vũ. Đối nhau ở hai bên tả hữu Long Trì là chung lâu (lâu chuông) để lên nghe việc oan khuất. Đằng trước đặt **điện Phụng Thiên**, ở trên xây **lâu Chính Dương** làm nơi xem giờ; đằng sau xây điện Trường Xuân, ở trên xây Long Các. Bên ngoài đắp thành, gọi là Long Thành.*

Như vậy, **trong quy hoạch năm 1029, điện Thiên An cũng được ngăn cách với cổng chính nam của cung thành bằng một kiến trúc là điện Phụng Thiên - lâu Chính Dương.**

Bước sang thời Trần, chúng ta không có những ghi chép mang tính hệ thống về quy hoạch hoàng thành. Tuy nhiên, căn cứ vào *Đại Việt sử ký toàn thư* và ghi chép của các sứ giả nhà Nguyên sang Thăng Long, có thể xác định được một kiến trúc nằm giữa cổng chính nam cung thành và chính điện thị triều. Đó là kiến trúc phức hợp điện Tập Hiền - gác Minh Linh.

Như đã phân tích ở phần trước, chính điện thị triều thời Trần là Thiên An Ngự Điện, được xây dựng năm 1029 và được sử dụng ít nhất đến năm 1371. Cổng chính nam của cung thành Thăng Long là kiến trúc Dương Minh Môn - Triều Thiên Các, với hai cửa hai bên là Vân Hội Môn và Nhật Tân Môn.

Như sử liệu đã trích ở phần trước, chúng ta thấy rằng năm 1281 (Thiệu Bảo 3), sứ giả nhà Nguyên là Sài Thung đã cưỡi ngựa vượt qua Dương Minh Môn, đến sân của điện Tập Hiền mới chịu xuống ngựa. *Trần Cương Trung thi tập* của Trần Phu cũng mô tả đi qua Dương Minh Môn là giếng trời rộng vãi chực trượng, sau đó đến điện Tập Hiền - gác Minh Linh. Đặc biệt, *Thiên Nam hành ký* của Từ Minh Thiện đến Đại Việt năm 1289 cho biết: “vào vương thành, đến điện môn xuống ngựa, lại vào một cổng là **Tập Hiền Điện**”. “Điện môn” mà Từ Minh Thiện phải xuống ngựa (hạ mã) rõ ràng là Dương Minh Môn - nơi Sài Thung đã bị quân Thiên Trường ngăn lại năm 1281.⁽³³⁾ Ở đây, chúng ta cũng thấy trình tự: sứ giả nhà Nguyên sau khi qua “điện môn” - Dương Minh Môn thì tới điện Tập Hiền.

Trương Lập Đạo - sứ giả nhà Nguyên sang Thăng Long năm 1292 lại mô tả như sau: “Giờ Ngọ rước chiếu thư đến Thành hoàng Thánh cung, qua cầu Ngoạn Nguyệt, lầu Trường Minh, rồi đến Chính Dương Môn. Tại đây Lập Đạo xuống ngựa, kính cẩn bưng tờ chiếu qua **Minh Dương Môn**, bộn tùy tùng qua **Vân Hội Môn**, các quan An Nam qua Nhật Tân Môn. Đến dưới gác Minh Hà, vừa đi vừa đốt hương trên đường trải thảm. Thế tử cùng chú là viên tiếm Thái sư Chiêu Minh Vương, em là Tả Thiên Vương, Thiếu bảo, Ngự sử, Hàn lâm tất cả tám người lên điện Thọ Quang làm lễ. [lược một đoạn] Lễ xong ra (xuất) gác Triều Thiên, rồi bước xuống (hạ) **điện Tập Hiền** dự yến tiệc”.⁽³⁴⁾ “Chính Dương Môn” ở đây chỉ phức hợp kiến trúc bao gồm cả ba cửa Dương Minh, Vân Hội, Nhật Tân. “Minh Dương Môn” là chép nhầm của Dương Minh Môn. Trong trường hợp này, sau khi đến cổng chính nam cung thành, Trương Lập Đạo đi qua cửa giữa là Dương Minh Môn, rồi mang chiếu thư của vua Nguyên đến điện

Thọ Quang - gác Minh Hà làm lễ trước, sau mới “ra” gác Triều Thiên, “xuống” điện Tập Hiền dự yến.

Các ghi chép trên cho thấy một điểm thống nhất. Đó là các sứ giả nhà Nguyên sau khi qua Dương Minh Môn đã tiến vào một không gian mới, chưa phải là không gian của điện Thiên An mà là không gian của điện Tập Hiền - gác Minh Linh.

Tóm lại, *tương tự như Lạc Dương và Khai Phong, tại Thăng Long thời Lý-Trần, giữa chính điện và cổng thành phía nam của cung thành tồn tại một lớp kiến trúc ngăn cách. Đó là điện Cao Minh (hoặc Cao Điện) năm 1010, điện Phụng Thiên - lầu Chính Dương năm 1029 và điện Tập Hiền - gác Minh Linh thời Trần.* Tại Lạc Dương và Khai Phong, lớp kiến trúc trung gian đó là kiến trúc cổng - điện môn (Đại Khánh Môn, Thái Cực Môn). Tại Thăng Long, lớp kiến trúc đó thường được gọi là “điện”, “gác”. Tuy nhiên, có một điểm đáng chú ý là trong *Thiên Nam hành ký*, Từ Minh Thiện viết “lại vào một cổng là điện Tập Hiền” (tái nhập môn viết Tập Hiền Điện), tức là Từ Minh Thiện cũng coi điện Tập Hiền là một kiến trúc “môn”-cổng. Điều đó khiến chúng ta hình dung *các kiến trúc điện - gác trung gian ở Thăng Long không chỉ đơn thuần là các kiến trúc điện nằm độc lập mà còn có chức năng như một dạng cổng, ngăn cách các không gian trong - ngoài.*⁽³⁵⁾

4. Kiến trúc lầu đối xứng và cơ quan trông coi giờ khắc trong Long Trì

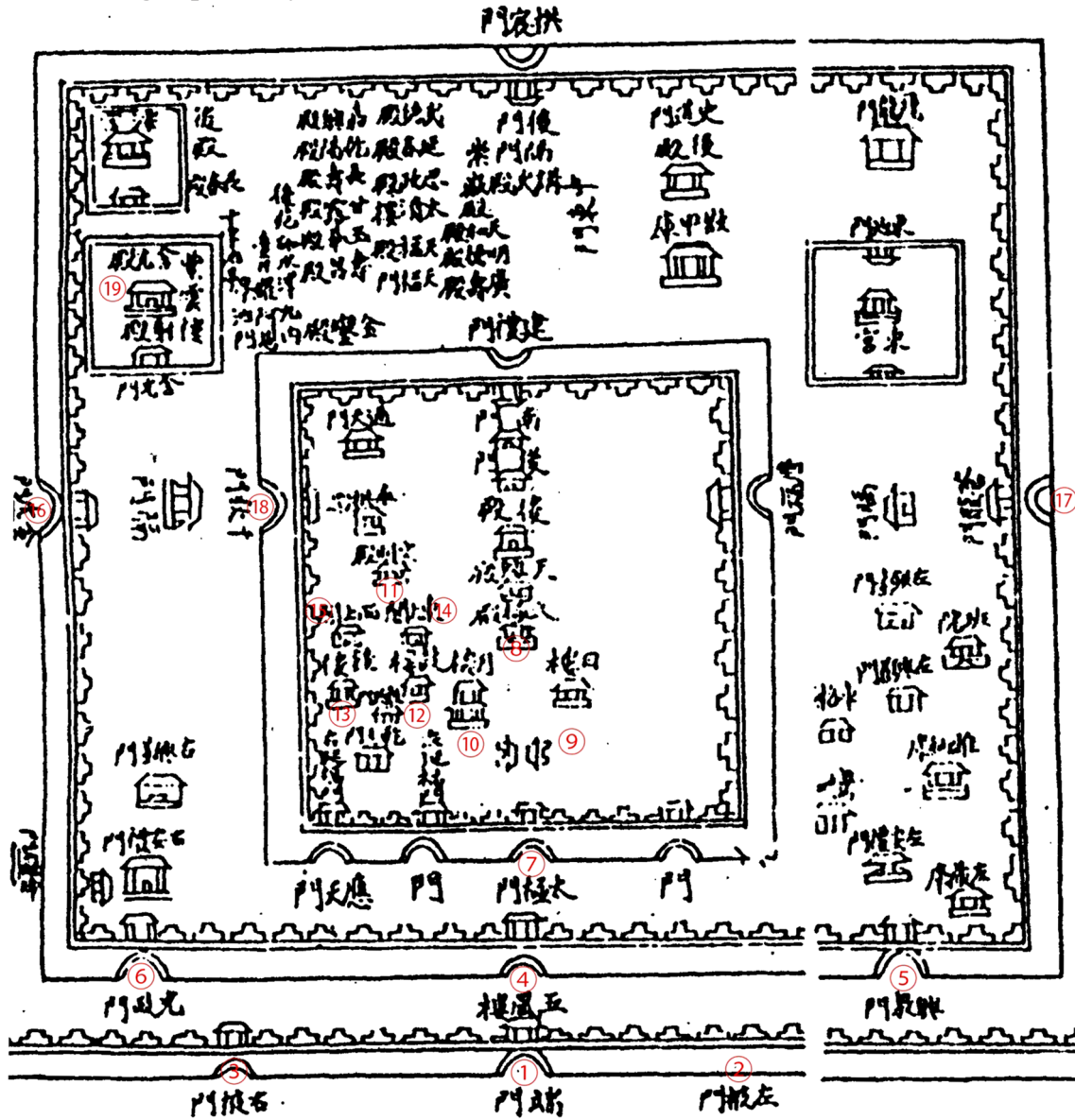
So với năm 1010, một trong những điểm khác biệt của quy hoạch Thăng Long năm 1029 là việc bố trí thêm hai lầu chuông đối xứng nhau qua trục trung tâm của Long Trì - thêm rồng của điện Thiên An. Chúng ta thấy bố cục này có sự tương đồng với bố cục sân trước chính điện (Long Trì) của Khai Phong và Lạc Dương thời Bắc Tống.

Tại Khai Phong, theo sách *Đông kinh mộng hoa lục* do Mạnh Nguyên Lão biên soạn thời Nam Tống, “qua chính môn của lầu Tuyên Đức là điện Đại Khánh [năm 1015 đổi tên thành điện Thiên An - PLH], *sân có dựng hai tòa lầu*, giống như lầu để chuông trong chùa, bên trên có quan Bảo chương chính của Thái Sử Cục xem vạch nước định giờ (khắc lộ), cứ đến giờ (thời khắc) lại cầm bài vào tâu.”⁽³⁶⁾

Cũng tại Khai Phong, phía đông của chính điện Đại Khánh có đặt điện Văn Đức. Nếu điện Đại Khánh là “chính điện”, điện Văn Đức được coi là **chính nha điện**, có chức năng hỗ trợ cho điện Đại Khánh. Đáng chú ý là theo sách *Ngọc hải* do Vương Ứng Lân đời Nam Tống soạn, điện Văn Đức đầu thời Bắc Tống vốn được gọi là Văn Minh, sau bị cháy, được trùng tu và đổi tên thành Văn Đức. Như vậy, điện Văn Đức từng có tên là Văn Minh, trùng tên với kiến trúc điện Văn Minh xây dựng ở phía đông của điện Thiên An năm 1029. Trong sân điện (điện đình) Văn Đức cũng bố trí hai tòa lầu đối xứng, phía đông nam là lầu trống, bên dưới đặt phòng coi giờ (lộ thất), phía tây nam là lầu chuông.⁽³⁷⁾

Tại Lạc Dương, theo *Tống sử* và *Tống hội yếu*, phía trước chính điện Thái Cực, ngoài Tả Hữu Long Vĩ Đạo (bậc lên xuống) cũng bố trí hai tòa lầu gọi là

lầu Nhật Nguyệt.⁽³⁸⁾ Ngoài ra, phía tây bắc của điện Thái Cực có điện Văn Minh (về mặt công năng và tên gọi chắc cũng tương tự điện Văn Đức - Văn Minh ở Khai Phong), trước điện này cũng bố trí một lầu trống ở phía đông nam, một lầu chuông ở phía tây nam.



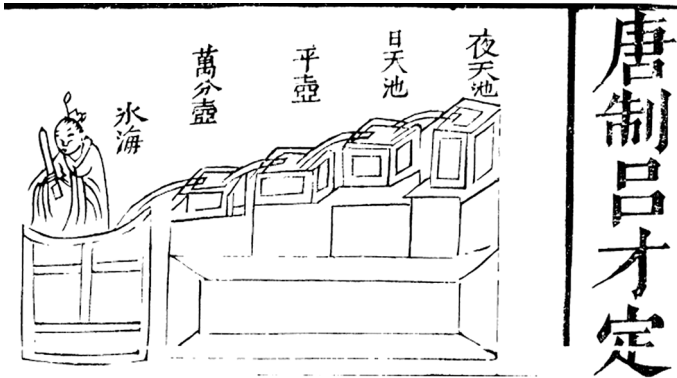
Hình 7: Tông Tây kinh thành đồ

Chú thích:

- | | | |
|----------------------------|-------------------------|------------------------|
| 1. Đoan Môn | 2. Tả Dịch Môn | 3. Hữu Dịch Môn |
| 4. Ngũ Phượng Lâu | 5. Hưng Giáo Môn | 6. Quang Chính Môn |
| 7. Thái Cực Môn | 8. Thái Cực Điện | 9. Nhật Lâu |
| 10. Nguyệt Lâu | 11. Văn Minh Điện | 12. Cổ Lâu (lầu trống) |
| 13. Chung Lâu (lầu chuông) | 14. Đông Thượng Cáp Môn | 15. Tây Thượng Cáp Môn |
| 16. Kim Hồ Môn | 17. Thương Long Môn | 18. Thiên Thu Môn |
| 19. Hàm Quang Điện | | |

Nguồn: Hà Nam chí, Tùng thư tập thành tục biên, tập 54, Nxb Thượng Hải thư điểm, tr. 42.

Qua những phân tích nêu trên, có thể thấy điểm tương đồng giữa mô hình Lạc Dương, Khai Phong thời Bắc Tống và quy hoạch Thăng Long năm 1029 trong việc bố trí hai tòa lầu có kiến trúc dạng lầu năm đối xứng qua trục bắc-nam cũng như cơ quan trông coi giờ khắc phía trước điện. Tuy nhiên, có điểm khác biệt là tại Khai Phong, vị trí trông coi giờ khắc hoặc được đặt ngay tại hai lầu đối xứng (trường hợp điện Đại Khánh), hoặc đặt tại tầng dưới tòa lầu phía đông nam (trường hợp điện Văn Đức). Trong khi đó, tại Thăng Long, chức năng trông coi giờ khắc lại được đặt tại lầu Chính Dương, hai kiến trúc lầu đối xứng thực hiện chức năng “nghe việc oan khuất”.



Hình 8: Đồng hồ nước của Lữ Tài đời Đường sáng chế.
Nguồn: Lục kinh đồ, bản Bát biên loại soạn 八編類纂本.

Qua miêu tả của *Đông kinh mộng hoa lục*, chúng ta cũng hiểu hơn về cách thức “trông coi giờ khắc” của lầu Chính Dương. Phía trên lầu có lẽ cũng bố trí một viên quan phụ trách việc coi giờ (ở Khai Phong là Bảo chương chính của Thái Sử Cục). Trong bản dịch *Đại Việt sử lược* chỉ ghi đơn giản là “xem giờ”, nhưng nếu đọc kỹ, chúng ta thấy nguyên văn chữ Hán ghi hai chữ “lộ khắc” 漏刻. “Lộ khắc”

vốn là tên gọi đồng hồ nước, hoạt động theo nguyên lý cho nước chảy với một tốc độ cố định vào một chiếc bình (lộ) có khắc vạch (khắc), dựa vào đó có thể tính toán được giờ khắc. Trong sách *Lục kinh đồ* do Dương Giáp biên soạn đời Nam Tống (khắc in năm 1153) còn lưu lại hai bản vẽ về đồng hồ nước, một do Lữ Tài chế vào đầu thời Đường, một do Yên Túc phát minh năm 1034. Do thiết kế đồng hồ nước của Trung Quốc chỉ có sự thay đổi lớn vào năm 1034, nên đồng hồ nước đặt trên lầu Chính Dương ở Thăng Long năm 1029 có lẽ giống loại đồng hồ nước do Lữ Tài phát minh như hình 8.

5. Không gian thi hành chính sự

Ảnh hưởng của các mô hình Trung Quốc đến Thăng Long thời Lý-Trần còn thể hiện ở tên gọi và bố trí các cung điện trong không gian thi hành chính sự.

5.1. Điện Giảng Võ và chức năng “duyệt sự chi sở” - “duyệt võ”

Tại Khai Phong - Đông đô thời Bắc Tống, phía sau cung có điện Sùng Chính, trước năm 977 (Thái Bình Hưng Quốc 2) có tên là **Giảng Võ** (Hình 6-13). Theo *Tống sử*, điện này có chức năng “duyệt sự chi sở” (nơi duyệt công việc) hoặc “duyệt võ”.⁽³⁹⁾

Tại Lạc Dương - Tây kinh thời Bắc Tống, phía trong của Bảo Ninh Môn cũng có một điện tên là **Giảng Võ**. Theo *Tống hội yếu*, điện này thời Đường và Hậu Lương lần lượt có tên là Văn Tư **câu trường** và Hưng An **câu trường**.⁽⁴⁰⁾ Như vậy, có thể thấy tại Khai Phong và Lạc Dương thời Tống đều tồn tại một cung điện với tên là Giảng Võ, với chức năng **duyệt sự chi sở** hoặc **câu trường**.

Trong quy hoạch năm 1010 của Thăng Long, bên phải điện Triều Nguyên - Càn Nguyên, nhà Lý cho xây dựng **điện Giảng Võ** (sử liệu 1). Do hạn chế về tư liệu, chúng ta không rõ điện Giảng Võ tại Thăng Long năm 1010 có cùng công năng “duyet sự”, “duyet võ” như điện Giảng Võ (Sùng Chính) tại Khai Phong hay không. Tuy nhiên, trong suốt thời Lý-Trần, không gian Long Trì phía trước điện Thiên An có được sử dụng để nhà vua “xem các vương hầu **đá cầu**” năm 1125 hoặc “**duyet cấm quân**” năm 1351.

5.2. Điện Văn Minh và chức năng “chính nha điện”

Tại Thăng Long, trong quy hoạch năm 1029, chúng ta thấy phía đông của không gian Long Trì, Lý Thái Tông cho xây dựng **điện Văn Minh**.

Tại Khai Phong, phía tây bắc của chính điện Đại Khánh (Thiên An) có điện Văn Đức là “**chính nha điện**” (Hình 6-8). Điện này vốn có từ thời Ngũ Đại, thời Hậu Đường gọi là điện Đoan Minh, đáng chú ý là vào đầu thời Tống, điện này từng có tên là **điện Văn Minh**. Điện Văn Minh bị cháy tháng 5 năm 984 (Thái Bình Hưng Quốc 9), đến tháng 7 được đổi tên thành điện Văn Đức. Sách *Ngọc hải* được biên soạn thời Nam Tống lại dẫn một tài liệu khác cho biết điện Văn Minh được hoàn thành năm 965 (Càn Đức 3), đến năm 984 (Ung Hi nguyên niên) được đổi tên thành Văn Đức.⁽⁴¹⁾

Tại Lạc Dương thời Bắc Tống cũng tồn tại một điện có tên gọi là **điện Văn Minh** (Hình 7-11). Điện này thời Đường gọi là Chân Quán, đến thời Lương gọi là **Văn Minh**, phía trước có bố trí một lầu chuông và lầu trống (Hình 7-12, 13). Hiện chúng tôi chưa tìm được tư liệu cho thấy công năng của điện này, nhưng về vị trí cũng như cấu trúc lầu chuông, có thể suy đoán điện này cũng đóng vai trò “chính nha điện” như điện Văn Đức (Văn Minh) tại Khai Phong.⁽⁴²⁾

Như vậy, **những khả năng điện Văn Minh được Lý Thái Tông cho xây dựng năm 1029 cũng với tư cách là “chính nha điện” - bổ trợ chức năng cho điện Thiên An, giống như điện Văn Minh (Văn Đức) - bổ trợ chức năng cho chính điện Thiên An (Đại Khánh) tại Khai Phong, hay điện Văn Minh - bổ trợ chức năng cho chính điện Thái Cực tại Lạc Dương thời Bắc Tống.**

5.3. Điện Thùy Cung - Thiên Khánh và chức năng “thường nhật thị triều chi sở” - “thính chính”

Bên cạnh chính điện Đại Khánh và chính nha điện Văn Đức là nơi tổ chức các nghi lễ quan trọng của triều đình,⁽⁴³⁾ phía tây của điện Đại Khánh, nhà Tống cho xây dựng **điện Thùy Cung** là “**thường nhật thị triều chi sở**” (nơi coi châu vào ngày thường)⁽⁴⁴⁾ (Hình 6-9). Điện nguyên có tên là điện Trường Xuân, năm 1032 (Minh Đạo nguyên niên) mới đổi tên thành Thùy Cung. Một số sứ giả Đại Việt khi sang nhà Tống đã vào điện này. Theo *Tống sử*, do hợp tác với nhà Tống đánh Đại Việt bất thành nên khi đến Khai Phong, sứ giả Chiêm Thành muốn tránh mặt sứ giả Đại Việt. Vì vậy, vua Tống xuống chiếu quy định nếu vào ngày sóc (mùng 1), sứ giả hai bên sẽ cùng vào điện Văn Đức, phân thành hai phía đông tây; nếu vào ngày vọng (ngày 15), sứ giả Giao Chỉ (Đại Việt) vào điện Thùy Cung, sứ giả Chiêm Thành đến điện Tử Thần.⁽⁴⁵⁾

Tại Thăng Long, chính điện thị triều thời Lý - Trần là điện Triều Nguyên - Càn Nguyên (1010-1029) và điện Thiên An (từ 1029). Những ghi chép về quy hoạch năm 1010 không cho biết công năng của các điện, nhưng năm 1020, sau khi điện Thiên An bị sét đánh và đông điện bị động đất, Lý Thái Tổ đã cho xây dựng ba điện, điện phía trước để thị triều, hai điện phía sau để làm nơi nghe chính sự (*thính chính*).⁽⁴⁶⁾ Sự kiện này cho thấy muộn nhất là vào năm 1020, nhà Lý đã có ý thức xây dựng các không gian vận hành chính sự thường nhật bên cạnh chính điện thị triều.

Một năm sau khi cho xây dựng lại chính điện Càn Nguyên và đổi tên thành điện Thiên An, năm 1030 (Canh Ngọ), Lý Thái Tông cho xây dựng tiếp **điện Thiên Khánh** ở trước tấm điện Trường Xuân để làm chỗ nghe chính sự (*thính chính*). Điện làm theo kiểu bát giác, đi kèm với kiến trúc lầu Phượng Hoàng ở phía sau (theo *Đại Việt sử lược*) hoặc cầu Phượng Hoàng ở cả hai phía trước sau (theo *Đại Việt sử ký toàn thư*).⁽⁴⁷⁾

Như vậy, **về mặt công năng, điện Thiên Khánh được hiểu là nơi vận hành chính sự ngày thường tương tự như điện Thù Củng tại Khai Phong. Không chỉ có vậy, điện Thiên Khánh và điện Thù Củng cũng có sự tương đồng về mặt vị trí. Cả hai đều được xây dựng phía trước chính tấm điện của nhà vua.** Theo *Tống hội yếu*, điện Thù Củng nằm trước điện chính tấm của vua Tống là điện Phúc Ninh (còn có tên là Vạn Tuế, Diên Khánh). Trong khi đó, tại Thăng Long, điện Thiên Khánh được xây trước tấm điện của vua Lý là điện Trường Xuân.⁽⁴⁸⁾

5.4. Điện Tử Thần và chức năng “thị triều chi tiền điện”

Tại Khai Phong, ở phía bắc chính điện Đại Khánh (Thiên An), nhà Tống đã cho xây dựng **điện Tử Thần** là “*thị triều chi tiền điện*”, là nơi hoàng đế tới trước khi lên chính điện (Hình 6-12). Điện Tử Thần nguyên có tên là điện Sùng Đức, đến năm 1032 (Minh Đạo nguyên niên) được đổi tên thành điện Tử Thần.⁽⁴⁹⁾ Có tư liệu cho thấy sứ giả Đại Việt đã từng đặt chân đến điện này. Theo *Ngọc hải*, năm 1012 (Đại Trung Tường Phù 5), nhà Tống đã tiếp sứ giả của Lý Công Uẩn tại điện Sùng Đức. Theo *Tống hội yếu*, năm 1014 (Đại Trung Tường Phù 7), khi Lý Công Uẩn sai sứ sang báo tiệp về việc đánh bại Hạc Giá Man (Nam Chiếu - Đại Lý), vua Tống đã cho mời sứ giả đến điện Sùng Đức (Tử Thần) để ban thưởng mũ đai.⁽⁵⁰⁾

Tại Thăng Long, theo *Đại Việt sử lược*, tháng 3 năm 1070, nhà Lý cũng cho xây dựng một tòa điện gọi là điện Tử Thần.⁽⁵¹⁾ Có khả năng điện Tử Thần xây dựng năm 1070 cũng mang chức năng là “*thị triều chi tiền điện*” giống như điện Tử Thần ở Khai Phong.

5.5. Tiểu kết

Trước đây, khi nghiên cứu về hoàng thành Thăng Long thời Lý-Trần, chúng ta thường chỉ chú ý đến công năng của chính điện Triều Nguyên - Càn Nguyên - Thiên An. Tuy nhiên, qua nghiên cứu so sánh, có thể thấy ở Lạc Dương và Khai Phong, bên cạnh chính điện thị triều còn rất nhiều điện khác, mỗi điện đảm nhiệm một vai trò, chức năng riêng trong hoạt động chính sự của triều đình. Có thể suy đoán: ***tương tự như tại Lạc Dương và Khai Phong,***

các điện Giảng Võ, Văn Minh, Thiên Khánh, Tử Thân nhiều khả năng cũng được nhà Lý cho xây dựng nhằm từng bước hoàn thiện không gian thi hành chính sự (duyet sự chỉ sở - duyet võ, chính nha điện, thính chính, thị triều chỉ tiền điện).

6. Không gian “yến điện” (điện Hàm Quang - Linh Quang) và kiến trúc lục giác

Tại Khai Phong thời Bắc Tống có điện Tập Anh là “*yến điện*”. Đáng chú ý là trong giai đoạn từ năm 990 (Thuần Hóa nguyên niên) đến năm 1015 (Đại Trung Tường Phù 8), điện Tập Anh có tên là **điện Hàm Quang** (Hình 6-11).⁽⁵²⁾

Tại Lạc Dương thời Bắc Tống cũng có **điện Hàm Quang** với chức năng là “*yến điện*”⁽⁵³⁾ (Hình 7-19).

Tại Thăng Long, năm 1011 (Tân Hợi), Lý Thái Tổ cũng cho xây dựng một cung điện có tên là **điện Hàm Quang** ở “Lô Đông Bộ” tức Đông Bộ Đầu (khu vực bến xe Long Biên và dốc Hàng Than ngày nay).⁽⁵⁴⁾ Về chức năng của điện Hàm Quang, theo *Đại Việt sử lược* và *Đại Việt sử ký toàn thư*, đây là nơi nhà vua “xem đua thuyền” vào tháng 7 năm 1012, tháng 7 năm 1013, tháng 7 năm 1037, tháng 8 năm 1038, có lẽ cả năm 1080.

“Đua thuyền” vốn là chữ được các dịch giả sử dụng để dịch hai chữ Hán “cạnh độ” của *Đại Việt sử lược* và “cạnh thuyền” của *Đại Việt sử ký toàn thư*. Việc sử dụng chữ “đua thuyền” làm chúng ta dễ liên tưởng đến các lễ hội đua thuyền truyền thống trên sông vẫn được tổ chức hiện nay. Tuy nhiên, trên thực tế, “cạnh độ” hay “cạnh thuyền” (trong nhiều trường hợp được viết là “cạnh độ lễ” hoặc “cạnh thuyền lễ”)⁽⁵⁵⁾ là một lễ hội cung đình độc đáo của các vương triều Đại Việt xuất hiện từ thời Tiền Lê. Về cách thức tiến hành nghi lễ này, theo *Đại Việt sử lược* và *Đại Việt sử ký toàn thư*, năm 985 (Át Dậu), vào ngày sinh của mình là ngày Đinh Tỵ (rằm) tháng 7, Lê Hoàn đã “sai người đóng thuyền, ở giữa dùng tre làm núi giả ở trên thuyền gọi là Nam Sơn, rồi bày cạnh độ lễ” (*Đại Việt sử ký toàn thư* chép là “cạnh thuyền hí lễ”).⁽⁵⁶⁾ Nghi lễ này “sau đã thành thường lệ”. Như vậy, “cạnh độ lễ” hay “cạnh thuyền (hí) lễ” là một lễ hội vui chơi (hí lễ), đi kèm với nó là các hoạt động yến tiệc. Thực tế là từ năm 1118, hoạt động yến tiệc của “cạnh độ lễ” hay “cạnh thuyền lễ” cũng đã được nghi thức hóa dưới tên gọi “*thu diên yến lễ*” (tạm dịch: tiệc rượu mùa thu) của tháng 7, song song với “*xuân diên yến lễ*” (tạm dịch: tiệc rượu mùa xuân) tổ chức vào tháng 2. Đây cũng là một điểm tương đồng với điện Tập Anh (Hàm Quang) của Khai Phong vì theo sách *Ngọc hải*, điện Tập Anh cũng là nơi ban yến vào các dịp “*xuân thu diên thánh tiết*”.⁽⁵⁷⁾ Như vậy, có thể thấy **giữa điện Hàm Quang ở Thăng Long và điện Hàm Quang (điện Tập Anh) ở Khai Phong không chỉ có sự giống nhau trong tên gọi mà còn có sự tương đồng trong chức năng tổ chức một số yến tiệc của triều đình, đặc biệt là “xuân thu diên yến”**. Tuy nhiên, **điện Hàm Quang ở Thăng Long có đặc điểm riêng là gắn liền với nghi lễ “cạnh độ” (hoặc “cạnh thuyền”) - một nghi lễ triều đình mang đậm nét đặc trưng của cư dân sông nước phương Nam.**

Từ năm 1118, địa điểm tổ chức “cạnh độ lễ” hay “cạnh thuyền lễ” đã chuyển từ điện Hàm Quang sang **điện Linh Quang**. Theo *Đại Việt sử lược*, Linh Quang là tên một điện mới được khởi công xây dựng năm 1058. Bên trái

của điện Linh Quang có điện Kiến Lễ, bên phải có điện Sùng Nghi. Đặc biệt, phía trước điện Linh Quang có kiến trúc “**độc trụ lục giác liên hoa chung lâu**”.⁽⁵⁸⁾ Trước đây, một số nhà nghiên cứu đã chú ý đến kiến trúc “độc trụ lục giác liên hoa chung lâu” này và liên hệ với các kiến trúc lục giác phát hiện tại khu A và khu E địa điểm khai quật 18 Hoàng Diệu. Tuy nhiên, quan điểm này vấp phải một số ý kiến phản biện cho rằng trong *Đại Việt sử ký toàn thư* có ghi chép cho rằng điện Linh Quang nằm tại Đông Bộ Đầu, và do đó, các kiến trúc “độc trụ lục giác liên hoa chung lâu” gắn với điện Linh Quang không thể có liên quan đến các kiến trúc lục giác ở 18 Hoàng Diệu. Bên cạnh đó, trong vài năm trở lại đây, quan điểm cho rằng các kiến trúc lục giác tại khu A và khu E là “**trà đình**” trở nên khá phổ biến trong nhiều tài liệu nghiên cứu và hướng dẫn về hoàng thành Thăng Long.

Tuy nhiên, ở đây tồn tại một số nhận thức không chính xác. Thứ nhất, **hiện nay không có bất cứ một tư liệu nào cho thấy sự tồn tại của một loại kiến trúc gọi là “trà đình” có kiến trúc lục giác tại kinh thành Thăng Long**. Thứ hai, liên quan đến vị trí của điện Linh Quang, nguyên văn ghi chép năm 1237 của *Đại Việt sử ký toàn thư* là: “di dời và xây dựng (di tạo) điện Linh Quang tại Đông Bộ Đầu, gọi là điện Phong Thủy”.⁽⁵⁹⁾ Điều đó có nghĩa là trước năm 1237, điện Linh Quang không nằm tại Đông Bộ Đầu. “Cạnh độ lễ” hay “Cạnh thuyền lễ”, như đã phân tích ở trên, vốn là nghi lễ dùng tre làm giả núi Nam Sơn đặt trên thuyền, tượng trưng cho sự vạn thọ của nhà vua, tức là một nghi lễ mang nặng tính trang trí và hình thức, và do vậy, không nhất thiết phải tổ chức bên sông. Có thể tái xác nhận điều này qua các ghi chép của *Đại Việt sử lược* cho thấy “cạnh độ lễ” hay “cạnh thuyền lễ” đã được tổ chức không phải bên bến sông mà tại cung Quảng Từ của Hoàng Thái hậu năm 1149 hay “hậu cung” năm 1194.⁽⁶⁰⁾ Như vậy, hiện nay không tồn tại bất cứ nguồn tư liệu nào cho thấy trước năm 1237, điện Linh Quang nằm tại Đông Bộ Đầu. Điều đó cũng có nghĩa là **các kiến trúc lục giác phát hiện tại khu A và khu E hoàn toàn có khả năng là các “độc trụ lục giác liên hoa chung lâu” nằm gần quần thể điện Linh Quang, Kiến Lễ, Sùng Nghi được ghi chép trong Đại Việt sử ký toàn thư**.

7. Một số kiến trúc cung điện khác

7.1. Góc Long Đồ (1029)

Năm 1029, khi quy hoạch lại Thăng Long, Lý Thái Tông đã cho dựng điện Trường Xuân làm tấm điện, phía trên dựng **Long Các** (theo *Đại Việt sử lược*) hoặc **Long Đồ Các** (theo *Đại Việt sử ký toàn thư*). Hiện nay, chúng ta không rõ tên nào chính xác, nhưng nếu là Long Đồ Các thì có thể xác định được một kiến trúc tương tự tại Khai Phong.

Tại Khai Phong, ở phía tây điện Đại Khánh, Văn Đức là quần thể **Long Đồ Các, Thiên Chương Các, Bảo Văn Các** (Hình 6-14). Quần thể các gác này là nơi cất giữ kinh điển, sử tịch, tử thư, văn tập, đồ họa trong hoàng cung.

7.2. Cung Long Thụy có tồn tại hay không?

Mục tiêu cuối cùng của bài viết này là cố gắng phục dựng một cách chính xác nhất quy hoạch Thăng Long thời Lý-Trần. Chính vì vậy, mặc dù không

phải là đối tượng so sánh trực tiếp, trong phần này, chúng tôi muốn bàn thêm về sự tồn tại của cái gọi là **cung Long Thụy**. Cung Long Thụy xuất hiện bên cạnh cung Thúy Hoa trong ghi chép năm 1010 của *Đại Việt sử ký toàn thư* (sử liệu 1). Do vậy, nó đã được đưa vào nhiều sơ đồ phục dựng, tiêu biểu là sơ đồ phục dựng của Lê Văn Lan (2004) mà chúng tôi đã giới thiệu ở phần trước. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng cung Long Thụy này *không tồn tại trên thực tế* và chỉ là một nhầm lẫn trong quá trình ghi chép của *Toàn thư*. Nhận định này được đưa ra trên cơ sở những nghi vấn như sau:

Thứ nhất, ngay trong ghi chép năm 1010, cả *Đại Việt sử lược* và *Đại Việt sử ký toàn thư* đều đề cập đến sự tồn tại của **điện Long Thụy** bên cạnh điện Long An với tư cách là tấm điện của Lý Thái Tổ. Nghi vấn đặt ra là liệu trong cấm thành có thể tồn tại hai kiến trúc có tên gọi trùng lặp như vậy được hay không? Bên cạnh đó, liệu một cung của cung nữ có thể có chữ “Long”, hơn nữa lại trùng tên với tấm điện của nhà vua được hay không?

Thứ hai, trên thực tế, tên gọi cung Long Thụy không xuất hiện trong *Đại Việt sử lược* mà chỉ có trong ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư* (tham khảo sử liệu 1-2).

Thứ ba, ngay trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, vào ghi chép tháng 12 năm 1010 có nhắc đến việc hoàn thành cung Thúy Hoa nhưng khi đó lại không nhắc gì đến cung Long Thụy.

Căn cứ vào các lý do trên, chúng tôi cho rằng **ghi chép về cung Long Thụy có trong Đại Việt sử ký toàn thư là một nhầm lẫn mang tính trùng lặp (diên tự), không đáng tin cậy**.

8. Cổng thành và tường thành

8.1. Đại Hưng Môn - Doan Môn và Tả-Hữu Dịch Môn

Đại Hưng Môn là tên gọi cổng chính nam của hoàng thành Thăng Long. Trước tiên, về cấu trúc của Đại Hưng Môn, cần lưu ý các ghi chép của *Nguyên sử* khi quân Nguyên vào chiếm Thăng Long năm 1285 (đã dẫn ở phần trước). Theo đó, Đại Hưng Môn là một cổng thành **có biển** đề chữ “**Đại Hưng Chi Môn**”. Cũng theo *Nguyên sử*, Đại Hưng Môn có hai cửa ngách là **Tả-Hữu Dịch Môn**. Điều này phù hợp với ghi chép năm 1127 của *Đại Việt sử ký toàn thư*. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, năm 1127 (Đinh Mùi), sau khi Lý Nhân Tông băng hà, Hoàng thái tử (tức Lý Thần Tông) lên ngôi, “hạ lệnh cho Vũ vệ Lê Bá Ngọc truyền bảo quân hầu và các quan văn võ lui ra ngoài **Đại Hưng Môn**, sai các người giữ thành đóng cửa canh phòng cẩn mật, không cho ai ra vào. Lại sai cấm quân cầm binh khí đứng ở dưới điện Thiên An, rồi cho lệnh mở **Hữu Dịch Môn**, gọi các quan vào Long Trì”.⁽⁶¹⁾

Bên cạnh tên gọi chính thức là Đại Hưng (Chi) Môn, chúng tôi cho rằng có khả năng cổng chính nam hoàng thành thời Lý-Trần còn có một tên gọi khác (không chính thức) là **Doan Môn**.⁽⁶²⁾ Giả thuyết của chúng tôi dựa trên hai căn cứ như sau:

Thứ nhất, văn bia tháp Sùng Thiện Diên Linh xây dựng năm 1121 có câu: “Kiến Quảng Chiếu chi đăng đài, hướng **Doan Môn** chi đình thượng”.⁽⁶³⁾ Căn

cứ vào sách *Đại Việt sử lược*, có thể xác định hai hội đền Quảng Chiếu được tổ chức gần với thời điểm năm 1121 nhất là vào các năm 1110 và 1116. Cả hai hội đền này, theo *Đại Việt sử lược*, đều được mở “bên ngoài cửa Đại Hưng” (Đại Hưng môn ngoại).⁽⁶⁴⁾ Một khi đã được mở bên ngoài cửa Đại Hưng, “Đoan Môn” trong câu “hướng Đoan Môn chi đình thượng” trên văn bia tháp Sùng Thiện Diên Linh phải được hiểu là chỉ Đại Hưng Môn.

Thứ hai, quan sát trên bản vẽ *Tổng Tây kinh thành đồ*, chúng ta thấy rằng ở Tây kinh Lạc Dương thời Bắc Tống, Đoan Môn cũng là tên gọi cổng chính nam của vòng thành thứ hai (hoàng thành), với hai cửa nách là Tả-Hữu Dịch Môn (Hình 3).

Như vậy, ***phải chăng vào thời Lý, Đoan Môn hay Đại Hưng Môn đều là tên gọi của cùng một kiến trúc là cổng chính nam của hoàng thành Thăng Long? Đại Hưng Môn là tên gọi mang tính chính thức (có biển ngạch, thể hiện qua ghi chép của Nguyên sử) do Lý Thái Tổ đặt ra năm 1010, thể hiện tính sáng tạo không rập khuôn của vương triều Lý khi xây dựng quy hoạch Thăng Long. Trong khi đó, Đoan Môn là cách gọi không chính thức, bắt nguồn từ tên gọi cổng chính nam hoàng thành của kinh đô Lạc Dương thời Bắc Tống.*** Việc tồn tại song song hai tên gọi này, theo chúng tôi cũng tương tự như hiện tượng sử dụng đồng thời hai tên gọi Thăng Long (chính thức) và Trường An (không chính thức) để chỉ kinh đô qua các triều đại trong lịch sử Việt Nam.

8.2. Đông Hoa Môn và Tường Phù Môn

Năm 1010, nhà Lý cho đặt tên 4 cổng hoàng thành là Đại Hưng, Diệu Đức, Quảng Phúc, Tường Phù. Tại thành Đại Hưng của nhà Tùy có một cổng tên là Quảng Phúc, nhưng là cổng thành phía bắc và không thấy có liên hệ gì với Thăng Long. Về các tên gọi Diệu Đức, Quảng Phúc, khảo sát tư liệu của chúng tôi không tìm thấy tên gọi tương tự tại các kinh đô Trung Quốc. Do đó, có thể coi đây là các tên gọi cổng thành đặc trưng của Thăng Long.

Riêng trường hợp của Tường Phù Môn,⁽⁶⁵⁾ tại Khai Phong cũng có một cổng thành có tên là Tường Phù Môn, chính xác là ***Tả Thừa Thiên Tường Phù Môn*** (Hình 6-17). Theo *Tống sử*, hai cửa Đông-Tây của cung thành Khai Phong là ***Đông Hoa Môn*** và ***Tây Hoa Môn*** (Hình 6-15, 6-16). Các cổng bên trong Đông-Tây Hoa Môn là Tả-Hữu Thừa Thiên Môn. Tên gọi Tả Thừa Thiên vốn có từ niên hiệu Càn Đức, năm 1008 (Đại Trung Tường Phù nguyên niên) vì có thiên thư giáng xuống nên vua Tống xuống chiếu thêm hai chữ Tường Phù.⁽⁶⁶⁾ Như vậy, về mặt phương vị, cả hai cổng Tường Phù ở Khai Phong và Thăng Long đều nằm ở phía đông. Tuy nhiên, ***nếu như tại Khai Phong, (Tả Thừa Thiên) Tường Phù là một cổng nằm bên trong cung thành thì tại Thăng Long, Tường Phù lại là một cổng của hoàng thành.*** Vì các tên gọi Đại Hưng, Quảng Phúc, Diệu Đức không có trường hợp tương tự tại Khai Phong, nên chúng ta cũng không khẳng định được tên gọi Tường Phù tại Thăng Long có phải là sự mô phỏng Tả Thừa Thiên Tường Phù Môn ở Khai Phong, hay là một tên gọi riêng của Thăng Long.

Ngoài ra, trong *Vũ trung tùy bút* (phần Lối chữ), Phạm Đình Hổ có đề cập đến sự tồn tại của một tám biển đề ba chữ “Đông Hoa Môn”, vẫn còn ở Thăng

Long vào cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX. Theo Phạm Đình Hổ, tấm biển có bút pháp hùng hồn, là nét chữ của vua Lý, khác với lối chữ lẫn cả lối chân lối khải trên tấm biển “Đại Hưng Môn” mới chế của thời Hồng Đức.

Nếu nhận xét của Phạm Đình Hổ là chính xác, Thăng Long dưới thời Lý cũng có hai cổng phía đông có tên là Đông Hoa Môn và Tường Phù Môn. Liên quan đến vấn đề này, cũng cần chú ý rằng Đông Hoa Môn và Tây Hoa Môn tại Khai Phong được kết nối bằng một con đường lớn chạy theo chiều đông-tây cắt ngang qua cấm thành gọi là “**đại nhai**”. Hiện nay, chúng ta cũng xác định được một con đường có bề rộng lớn chạy theo chiều đông-tây xuyên suốt khu A, B (hiện được đánh số LY.B.DG027), không rõ có phải là một con đường tương tự với “đại nhai” ở Khai Phong hay không? Vấn đề này sẽ có câu trả lời sau khi Trung tâm Di sản Thăng Long áp dụng hệ thống GIS để số hóa các bản vẽ khai quật hoàng thành Thăng Long trong thời gian sắp tới.

8.3. Thiên Thu Môn

Cung thành Lạc Dương - Tây kinh thời Bắc Tống ngoài các cổng phía nam là Ngũ Phượng Lâu, Hưng Giáo Môn, Quang Chính Môn, ở phía bắc có Cung Thần Môn, ở phía đông có Thương Long Môn, tây có Kim Hồ Môn. Theo *Tống sử*, lần cửa thứ hai (đệ nhị cách môn) phía trong Kim Hồ Môn là **Thiên Thu Môn** (Hình 7-18). Tên gọi Thiên Thu này vốn xuất hiện từ thời Tùy-Đường.⁽⁶⁷⁾

Tại kinh đô Thăng Long thời Lý-Trần cũng tồn tại một cổng có tên gọi là Thiên Thu Môn. Theo *Đại Việt sử lược*, năm 1156 (Bính Tý), nhà Lý cho khởi công xây dựng trường lang kéo dài từ **Thiên Thu Môn** đến khách lâu (không rõ vị trí).⁽⁶⁸⁾

Tháng 8 năm 1209 (Kỷ Ty), người Thuận Lưu, Khoái đem thủy quân đánh kinh sư. Tiên quân đồn ở bến Đông, theo “Tả Dịch Môn” vào thẳng cấm thành để cướp bảo vật. Đại quân đồn ở bến Thiên Hà, định theo “Thiên Thu Môn” mà vào, đến “Vũ Sư Quán” bị Cao Kha nấp ở “Chẩm Viên” bắn tên nên phải rút lui.⁽⁶⁹⁾

Ngày Đinh Tỵ tháng Chạp năm 1210, Đỗ Trung Tự nghe tin bọn Đỗ Quảng, Phí Lệ mưu sự phế lập, bèn đem quân đến “Hưng Thánh Hạng”, gặp Quảng, Lệ định đánh nhưng thấy Quảng, Lệ có quân đông bèn giả vờ cùng mưu với họ. Sáng hôm sau, Quảng, Lệ y hẹn đến họp trước ở Bí Thư Các đợi Tự. Đỗ Trung Tự đến “Tứ Đạt Đình”, trước hết sai tỳ tướng là Đào Phán đem binh từ “Hữu Dịch Môn” vào đóng ở Sa Trì, Long Trì, sai Nguyễn Tự, Nguyễn Đà La đóng ở “**Thiên Thu Môn**”. Phí Lệ nghe tin bèn cầm giáo đến Long Môn, thấy quân Đào Phán hò reo mà vào. Lệ tiến lên giết được một người rồi lui giữ bên trong cửa. Lại nghe thấy ở “**Thiên Thu Môn**” có quân đóng, Lệ bèn theo Việt Môn ra cửa Diên Cự, ra cửa Thiên Thu mà thoát được.

Theo Momoki Shiro (2010), Việt Môn và Diên Cự Môn nhiều khả năng là chép nhầm của “Việt Thành Môn” và “Diên Hưng Môn”, là các cổng thành ở phía đông. Nếu giả thuyết của Momoki là chính xác, Thiên Thu Môn mà Phí Lệ thoát ra cũng sẽ phải là một cổng thành ở phía đông. Như vậy, về phương vị không có điểm chung với Thiên Thu Môn tại Lạc Dương. Vấn đề này xin để tồn nghi.

8.4. Đông-Tây Thượng Cấp Môn

Tại Khai Phong, theo *Tống hội yếu*, hai bên chái điện Văn Đức (Văn Minh) có **Đông-Tây Thượng Cấp Môn**.⁽⁷⁰⁾ Tại Lạc Dương, theo *Tống sử*, hai bên điện Văn Minh cũng được bố trí hai cửa nách có tên là **Đông-Tây Thượng Cấp Môn**, nhìn thẳng ra hai cửa phía trước là Tả-Hữu Diên Phúc Môn.⁽⁷¹⁾ Chữ “cấp môn” vốn bắt nguồn từ sự tích Công Tôn Hoàng làm Thừa tướng có xây đông các để làm nơi đón tiếp hiền sĩ.

Tại Thăng Long thời Lý-Trần cũng có **Đông Thượng Cấp Môn**. Chúng ta biết được điều đó vì trong phần Tự sự của sách *An Nam chí lược*, Lê Tắc cho biết tầng tổ tiên của Tắc là Khôn, khoảng cuối đời nhà Lý làm chức **Đông Thượng cấp môn sứ**. Trong phần văn chức, Lê Tắc cũng đề cập đến một chức quan văn thời Trần là **Đông Thượng cấp môn sứ**. Tuy nhiên, do điều kiện tư liệu hiện nay, chưa thể xác định rõ vị trí của Đông-Tây Thượng Cấp Môn tại Thăng Long. **Nếu mô phỏng Khai Phong và Lạc Dương, có thể Đông-Tây Thượng Cấp Môn là các kiến trúc cửa nách của chính điện Thiên An.**

8.5. Tường thành và nữ tường

Nhìn vào bản vẽ *Tống Tây kinh thành đồ* trong sách *Hà Nam chí* (Hình 7), có thể dễ dàng quan sát các kiến trúc nữ tường. Như đã trình bày trong bài viết về thành Đại La,⁽⁷²⁾ nữ tường, theo định nghĩa của sách *Tư trị thông giám*, còn gọi là “bài” 陴 hay “nữ đầu” 女頭 là bức tường thấp đắp trên mặt thành.⁽⁷³⁾ Sách *Thích danh* do Lưu Hi đời Hậu Hán biên soạn giải thích tên gọi “nữ tường” xuất phát từ quan điểm “nam tôn nữ ty” thời cổ đại, theo đó người xưa muốn so sánh loại tường nhỏ này với tường chính giống như sự nhỏ bé của người đàn bà trước đàn ông.⁽⁷⁴⁾ Đặc biệt, “nữ tường” còn có tên gọi khác là “bễ nghễ” 睥睨, có nghĩa là lén trông, trông nghiêng, cũng bắt nguồn từ ý nêu trên.

Trong *Trần Cương Trung thi tập*, Trần Phu viết: “Giao châu **vô thành bích, thổ tường bễ nghễ nhi dĩ**”, tức là “Giao Châu không có tường thành, chỉ có thổ tường, bễ nghễ”. “Thành bích” (tường thành) theo quan niệm của Trần Phu có lẽ là tường ốp gạch đá, và vì thế ông cho rằng ở Thăng Long

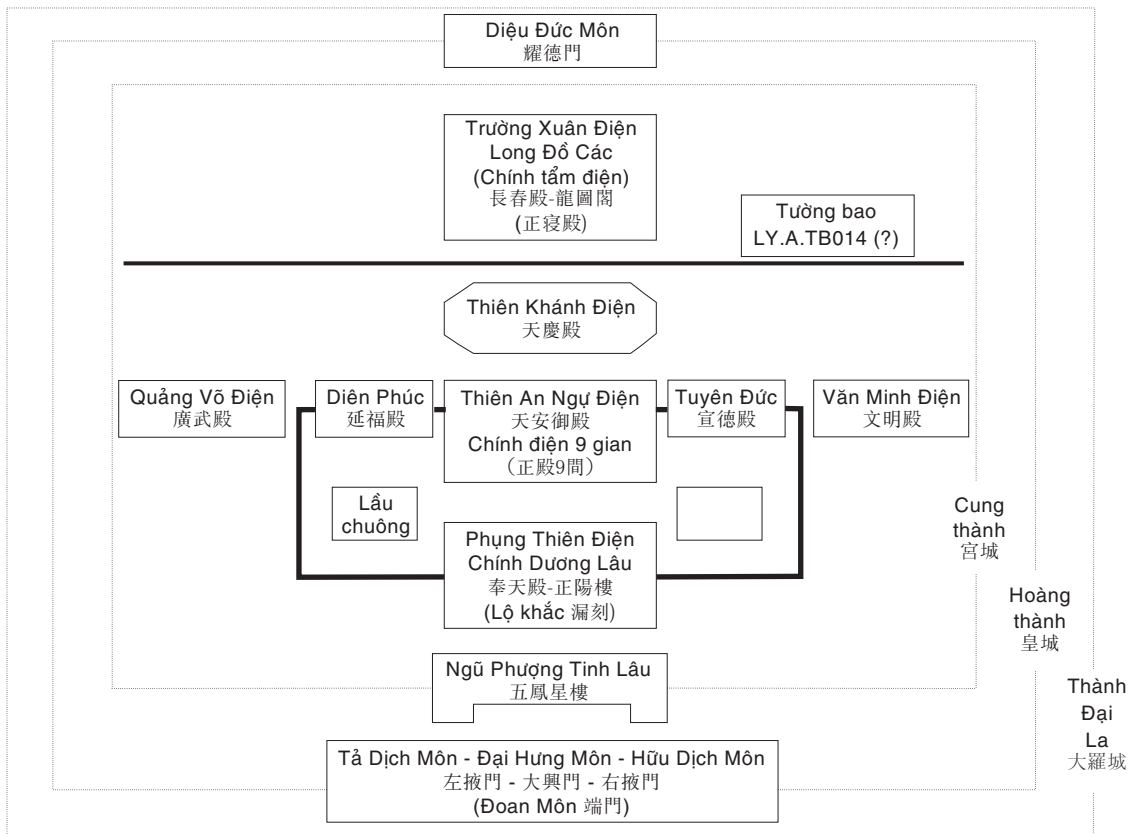
墻 女 木

không có cái gọi là “thành bích”, mà chỉ có tường đất (thổ tường) và “bễ nghễ”. “Bễ nghễ”, như đã giải thích ở trên, chính là chỉ nữ tường đắp trên mặt thành.

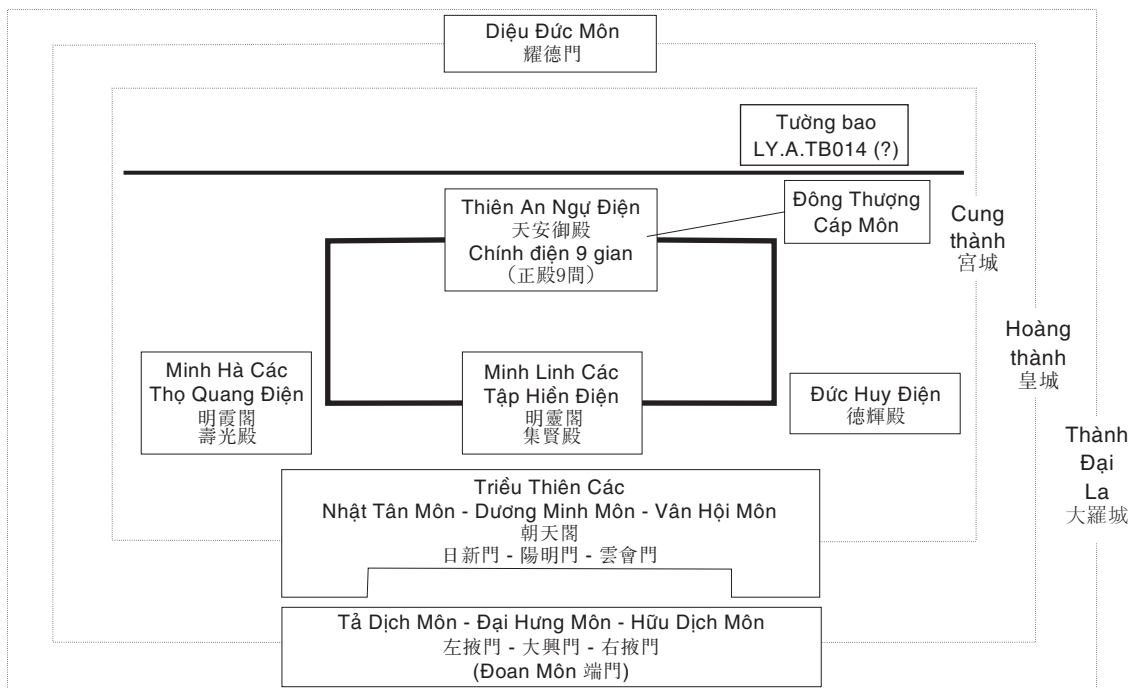
Nếu tin vào nhận xét của Trần Phu, tường thành Thăng Long thời Lý-Trần là loại tường đất (tất nhiên bên trong có thể gia cố gạch, đá), phía trên có đắp nữ tường để tiện cho việc phòng thủ. Cũng cần nhắc lại rằng nữ tường đã xuất hiện trên mặt thành Đại La từ cuối thế kỷ IX dưới thời Cao Biền, mà theo ghi chép của *Đại Việt sử lược* là cao 5 thước 5 tấc (khoảng 1,65m).



Hình 9: Một nữ tường (xe có lắp nữ tường) trong sách *Võ kinh tổng yếu* thời Tống.



Sơ đồ 4: Sơ đồ hình dung trực trung tâm hoàng thành Thăng Long thời Lý từ năm 1029.



Sơ đồ 5: Sơ đồ hình dung trực trung tâm hoàng thành Thăng Long thời Trần.

Kết luận

Trước đây, một số nhà nghiên cứu đã đặt vấn đề phải chăng quy hoạch hoàng thành Thăng Long thời Lý-Trần đã chịu ảnh hưởng từ một số mô hình Trung Hoa, nổi bật là các mô hình Trường An, Lạc Dương hoặc Khai Phong.

Chúng ta biết rằng kinh đô Trường An của nhà Đường có một vị trí rất đặc biệt trong lịch sử xây dựng kinh thành ở Trung Quốc nói riêng và khu vực Đông Bắc Á nói chung. Với quy mô và tính hoàn thiện được đánh giá là “vô tiền khoáng hậu”, đại đô thành Trường An đã có những ảnh hưởng rất lớn đến nhiều đô thành không chỉ ở Trung Quốc mà của cả nhiều nước trong khu vực. Ví dụ, các kinh đô Heijo của Nhật Bản hay Thượng Kinh Long Tuyên phủ của Bột Hải đều được xây dựng trên cơ sở mô phỏng hình dáng, tên gọi kiến trúc của Trường An. ***Tuy nhiên, qua quá trình so sánh, chúng tôi thấy rằng nếu xét từ phương diện tên gọi kiến trúc (cung điện, lầu gác, thành môn), hầu như không có sự giống nhau về tên gọi giữa các kiến trúc (đặc biệt là các kiến trúc nằm trên trục trung tâm) của kinh đô Trường An thời Đường với kinh đô Thăng Long thời Lý-Trần.*** Nói cách khác, ***ít nhất về cách đặt tên, quy hoạch hoàng thành Thăng Long thời Lý-Trần rõ ràng không chịu ảnh hưởng từ mô hình Trường An.*** Điều này có thể giải thích qua sự chênh lệch về niên đại. Các kinh đô Heijo hay Thượng Kinh Long Tuyên phủ đều được xây dựng vào thế kỷ VIII, khi nhà Đường còn tồn tại và Trường An vẫn đóng vai trò là kinh đô của đế quốc hùng mạnh nhất ở khu vực Đông Bắc Á. Các đoàn sứ giả của Nhật Bản hay Bột Hải nhờ vậy cũng đã có những trải nghiệm thực tế và điều kiện thu thập thông tin về Trường An để sau đó áp dụng trong việc xây dựng kinh thành tại quốc gia mình. Trong khi đó, các chính quyền độc lập của Việt Nam lại được hình thành khi nhà Đường đã bước vào những năm cuối cùng của quá trình suy vong. Trên thực tế, các đoàn sứ giả của nhà Đinh, nhà Tiền Lê và sau đó là nhà Lý chỉ có điều kiện đến thăm các kinh đô Lạc Dương, Khai Phong của các vương triều Hậu Lương, Bắc Tống, và do đó chắc hẳn không có trong tay nhiều thông tin về quy hoạch của Trường An.

Trong khi đó, có thể thấy ***quy hoạch hoàng thành Thăng Long thời Lý-Trần đã chịu ảnh hưởng khá đậm nét từ hai mô hình Lạc Dương, Khai Phong.***

Ảnh hưởng đó trước tiên có thể thấy qua cách đặt tên các kiến trúc: cung điện (từ chính điện Triều Nguyên - Càn Nguyên - Thiên An đến các điện có chức năng hỗ trợ như điện Văn Minh, điện Hàm Quang), lầu gác (Long Đồ Các), thành môn và điện môn (Minh Đức Môn, Ngũ Phượng Lâu, Dương Minh Môn, Thiên Thu Môn, Đông-Tây Thượng Cấp Môn, Tả-Hữu Dịch Môn).

Bên cạnh sự giống nhau về tên gọi, trong nhiều trường hợp, các kiến trúc còn có sự tương đồng về mặt công năng: chính điện thị triều (Triều Nguyên - Càn Nguyên - Thiên An), nghe chính sự (điện Thiên Khánh và điện Thụy Cung), duyệt sự - duyệt võ - duyệt cấm quân - xem đá cầu (điện Giảng Võ), yến điện (điện Hàm Quang), các loại cổng chính, cổng sách (cấp môn, dịch môn) cũng như trong bố cục kiến trúc (chính điện và cổng chính nam cung thành

được ngăn cách bởi một lớp kiến trúc điện - môn, điện nghe chính sự nằm sau chính điện và trước chính tẩm điện, bố cục kiến trúc lầu song đối và cơ quan coi giờ trong không gian Long Trì).

Nghiên cứu so sánh giúp chúng ta hiểu rõ hơn công năng của một số kiến trúc tại Thăng Long (điển hình như hoạt động của lầu Chính Dương với chức năng coi giờ) và trong nhiều trường hợp, loại suy được công năng của một số kiến trúc tại Thăng Long (điển hình như Ngũ Phượng Lâu), giúp chúng ta đính chính được một số điểm chưa chính xác trong các sơ đồ phục dựng quy hoạch Thăng Long năm 1010 và 1029. Cũng với phương pháp so sánh, đối chiếu với ghi chép của một số sử giả nhà Nguyên đến Thăng Long vào cuối thế kỷ XIII, bài viết cũng làm rõ và xây dựng được sơ đồ bố trí một số kiến trúc trong quy hoạch Thăng Long thời Lý-Trần (Sơ đồ 4-5).

Bảng 2: Công năng các kiến trúc trong quy hoạch hoàng thành Thăng Long thời Lý-Trần

TT	Tên kiến trúc	Năm xây dựng	Công năng	Tên kiến trúc tương ứng	
				Lạc Dương	Khai Phong
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Càn Nguyên Điện	TK X	Chính điện thị triều	Càn Nguyên	Càn Nguyên
2	Triều Nguyên Điện-Càn Nguyên Điện	1010	Chính điện thị triều	Triều Nguyên Càn Nguyên	Triều Nguyên Càn Nguyên
3	Thiên An Điện	1029	Chính điện thị triều		Thiên An
	Cao (Minh) Điện	1010	Điện - môn ngăn cách chính điện thị triều và cổng chính nam cung thành	Thái Cự Môn	Đại Khánh Môn
4	Phụng Thiên Điện Chính Dương Lâu	1029	Điện - lầu - môn ngăn cách chính điện thị triều và cổng chính nam cung thành Nơi đặt đồng hồ nước (lộ khắc)	Thái Cự Môn	Đại Khánh Môn
5	Tập Hiền Điện Minh Linh Các	TK XIII	Điện - các - môn ngăn cách chính điện thị triều và cổng chính nam cung thành	Thái Cự Môn	Đại Khánh Môn
6	Lầu chuông - Lầu trống (đối xứng trong Long Trì)	1029	Nghe án oan	Nhật Lâu - Nguyệt Lâu (đối xứng trong Long Trì của điện Thái Cự) hoặc Lầu chuông - Lầu trống (đối xứng trong Long Trì của điện Văn Minh)	Lầu coi giờ giống lầu chuông (đối xứng trong Long Trì của điện Thiên An) hoặc Lầu chuông - Lầu trống (đối xứng trong Long Trì của điện Văn Minh)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
7	Giảng Võ Điện	1010	Nơi duyệt sự Duyệt võ Cầu trường	Giảng Võ	Giảng Võ
8	Văn Minh Điện	1029	Chính nha điện	Văn Minh	Văn Minh
9	Thiên Khánh Điện	1030	Thính chính (Coi châu vào ngày thường)		Thùy Cung
10	Tử Thần Điện	1070	Thị triều chi tiền điện		Tử Thần
11	Hàm Quang Điện	1011	Yến điện (Cạnh độ lễ)	Hàm Quang	Hàm Quang
12	Linh Quang Điện	1118	Yến Điện (Xuân thu diên yến)	Hàm Quang	Hàm Quang
13	Trường Xuân Điện	TK IX - XII	Tẩm điện		Phúc Ninh Điện
14	Long Đồ Các (gác trên tẩm điện)	1029	Nơi vui chơi		Long Đồ Các
15	Minh Đức Môn	TK X	Cổng chính nam cung thành	Minh Đức Môn	Minh Đức Môn
16	Ngũ Phượng Lâu	1010	Cổng chính nam cung thành	Ngũ Phượng Lâu	
17	Dương Minh Môn	TK XIII	Cổng chính nam cung thành		Dương Minh Môn
18	Đại Hưng Môn (Đoan Môn?)	1010	Cổng chính nam hoàng thành	Đoan Môn	
19	Tả - Hữu Dịch Môn	TK XIII	Hai cửa nách trái-phải của Đại Hưng Môn	Tả - Hữu Dịch Môn	
20	Tường Phù Môn	1010	Cổng phía đông hoàng thành		Tả Thừa Thiên Tường Phù Đông Hoa Môn
21	Đông Hoa Môn	TK XI-XII	Cổng phía đông		Đông Hoa Môn
22	Thiên Thu Môn	TK XII	Cổng phía đông (?)	Thiên Thu Môn	
23	Đông - Tây Thượng Cáp Môn	TK XIII	Cửa nách hai phía đông tây chính điện	Đông - Tây Thượng Cáp Môn	Đông - Tây Thượng Cáp Môn

Kinh đô Khai Phong thời Bắc Tống vốn được xây dựng trên cơ sở tham khảo mô hình Lạc Dương. Vì vậy, có thể có ý kiến cho rằng những ảnh hưởng của mô hình Lạc Dương đối với Thăng Long chỉ là ánh xạ qua mô hình trung gian là Khai Phong. Tuy nhiên, qua quá trình phân tích, có thể thấy rõ ràng **Thăng Long (đặc biệt là quy hoạch Thăng Long năm 1010-1028) có chịu một số ảnh hưởng trực tiếp từ mô hình Lạc Dương, tiêu biểu là kiến trúc Ngũ Phượng Lâu**. Điều đó cho thấy dụng công của các vương triều Lý-Trần trong việc tìm hiểu, tham khảo nhiều mô hình kinh đô khác nhau của Trung Quốc. Đồng thời, nó cũng phản ánh phần nào ý thức của hai vương triều Lý-Trần, đặc biệt là nhà Lý về hệ thống “nhiều kinh đô” của Trung Quốc. Có thể tái xác nhận điều đó qua ghi chép của *Đại Việt sử lược* và *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết vào tháng 10 năm 1014 (Giáp Dần), nhà Lý đã thiết lập thêm một kinh đô mới bằng cách “đổi phủ Ứng Thiên thành Nam kinh”.⁽⁷⁵⁾ Đáng chú ý là 10 tháng trước đó tức tháng Giêng năm 1014

(Tống Đại Trung Tường Phù 7), nhà Tống đã cho đổi phủ Ứng Thiên thành Nam kinh.⁽⁷⁶⁾ Sứ giả Đại Việt đến Khai Phong vào tháng 3 năm đó,⁽⁷⁷⁾ hẳn đã nắm được pháp lệnh mới này của nhà Tống và sớm đưa thông tin đó về Đại Việt.

Nếu như các tên gọi Triều Nguyên - Càn Nguyên có xuất hiện tại Lạc Dương, tên gọi Thiên An chỉ xuất hiện tại mô hình Khai Phong. Điều đó cho thấy **mô hình Khai Phong đã có ảnh hưởng rõ nét đến quy hoạch Thăng Long năm 1029**. Mặt khác, như đã trình bày ở phần 1, mặc dù vào năm 1034, nhà Tống đã đổi tên chính điện Thiên An thành điện Đại Khánh, nhưng tên điện Đại Khánh đã không được du nhập vào Việt Nam. Tại Thăng Long, tên gọi chính điện Thiên An vẫn tiếp tục được giữ nguyên và sử dụng đến hết thời Trần. Điều đó có nghĩa là muộn nhất từ năm 1034, tên gọi chính điện của kinh đô Thăng Long đã không còn chịu ảnh hưởng của các mô hình Trung Hoa. Nói cách khác, mặc dù có thể vẫn tiếp tục có sự mô phỏng ở một cấp độ nào đó, nhưng rõ ràng **từ giữa thế kỷ XI, ảnh hưởng của các mô hình Trung Hoa đã mờ nhạt dần đối với quy hoạch của hoàng thành Thăng Long**.

Ngay trong quy hoạch năm 1010, bên cạnh những tên gọi, bố cục kiến trúc chịu ảnh hưởng của mô hình Khai Phong - Lạc Dương, chúng ta cũng thấy xuất hiện một số tên gọi cung điện, bố cục không xuất hiện trong các mô hình Trung Quốc, tiêu biểu là tên gọi các cổng thành như Đại Hưng Môn, Diệu Đức Môn, tên gọi các cung điện như điện Phụng Thiên hay thiết kế hai lầu chuông trong không gian Long Trì với tư cách là nơi nghe oan khuất của dân chúng. Điều này cho thấy **tính độc đáo cũng như sự khác biệt giữa kinh đô Thăng Long với các kinh đô thời Đường - Ngũ Đại - Bắc Tống**.

P L H

CHÚ THÍCH

- (1) [正殿曰太極, 舊名明堂, 太平興國三年改] (“宋史” 卷八十五, 地理一, 京城, 西京). [正殿曰太極殿, 隋曰乾陽, 唐初曰乾元明堂, 後改含元, 梁曰朝元, 後唐曰明堂, 晉曰宣德, 後復為明堂, 太平興國三年改今名] (“宋會要” 方域一).
- (2) [四年春二月, 毀乾元殿, 就其地造明堂] (“舊唐書” 卷六, 本紀, 則天皇后, 垂拱四年二月条).
- (3) [可改為乾元殿, 每臨御依正殿禮] (“舊唐書” 卷八, 本紀, 玄宗, 開元五年七月甲子条). [冬十月癸丑, 乾元殿依舊題為明堂] (“舊唐書” 卷八, 玄宗, 開元十年十月癸丑条). [冬十月, 毀東都明堂之上層, 改拆下層為乾元殿] (“舊唐書” 卷九, 本紀, 玄宗, 開元二十七年十月条).
- (4) [丙申, 羣臣上尊號曰睿文聖武廣孝皇帝, 改西京貞觀殿為文明殿, 含元殿為朝元殿] (“梁書” 卷四, 太祖, 開平三年正月条).
- (5) [改西京明堂殿為宣德殿] (“晉書” 卷八十一, 少帝, 天福七年七月条).
- (6) [大慶殿舊名崇元, 乾德四年重修改曰乾元, 太平興國九年改朝元, 大中祥符八年改天安, 明道三年改今名] (“宋史” 卷八十五, 地理一, 京城, 東京). [正殿曰大慶, 梁曰崇元, 乾德四年重修改乾元, 太平興國九年五月殿災改朝元, 大中祥符八年四月殿災, 六月改天安, 景祐元年正月改今名] (“宋會要” 方域一).
- (7) Trong bài viết này, đối với các sự kiện của Trung Quốc, chúng tôi sẽ ghi năm dương lịch và niên hiệu. Đối với các sự kiện của Việt Nam, do có sự chênh lệch 1 năm về niên hiệu giữa **Đại Việt sử lược và Đại Việt sử ký toàn thư**, chúng tôi thống nhất không ghi niên hiệu mà chỉ ghi năm dương lịch và can chi.
- (8) [壬辰四年宋淳化三年春正月, 帝御乾元殿觀燈] (“大越史記全書” 本紀, 卷之一, 黎紀, 大行皇帝, 壬辰興統四年正月条). [興統三年春, 王御乾元樓觀燈] (“大越史略” 卷上, 興統三年壬辰条).

- (9) Liên quan đến vấn đề này, chúng tôi muốn lưu ý rằng các ghi chép về cung điện vào tháng 7 năm 1010 cần được hiểu như quy hoạch ban đầu. Một số cung điện, điển hình như cung Thúy Hoa phải đến tháng 12 năm 1010 mới được hoàn thành. [冬十二月, 翠華宮成] (“大越史記全書” 本紀, 卷之二, 李紀, 太祖皇帝, 庚戌順天元年十月条).
- (10) [乾元殿震, 視朝於東殿] (“大越史記全書” 本紀, 卷之二, 李紀, 太祖皇帝, 丁巳順天八年条).
- (11) [令有司廣其規模, 正其背向, 重脩之, 因改天安殿] (“大越史記全書” 本紀、卷之二, 李紀, 太宗皇帝, 己巳天成二年六月条).
- (12) [冬十月戊辰, 帝崩於天安殿, 時年三十九] (“魏書” 卷二, 太祖道武帝, 天賜六年条).
- (13) Thống kê trong *Đại Việt sử ký toàn thư* cho thấy điện Thiên An xuất hiện trong các ghi chép năm 1029, 1032, 1044, 1072, 1077, 1123, 1125, 1127, 1128, 1225, 1237, 1255, 1263, 1269, 1293, 1351, 1357, 1371.
- (14) [殿九間, 挾各五間, 東西廊各六十間, 有龍墀沙墀] (“宋会要” 方域一).
- (15) [正殿九間書天安御殿] (“元史” 卷二百九, 列傳第九十六. 外夷二, 安南).
- (16) [而府署湫隘, 題其門曰明德門] (“宋史” 卷四百八十八, 列傳, 外國四, 交阯).
- (17) [至明德門, 帝奉制書, 置殿上不拜, 詭言近歲與蠻寇接戰, 墜馬傷足] (“大越史記全書” 本紀, 卷之一, 黎紀, 大行皇帝, 庚寅興統二年).
- (18) [是日, 詔改大寧宮門為明德門, 又改京城諸門名額, 南門尉氏以薰風為名] (“舊五代史” 晉書, 卷七十七, 高祖, 天福三年十月丙戌条).
- (19) [南三門, 中曰宣德, 梁初曰建國, 後改咸安, 晉初曰顯德, 又改明德, 太平興國三年七月改丹鳳, 九年七月改乾元, 大中祥符八年六月改正陽, 景祐元年正月改今名] (“宋会要” 方域一).
- (20) [冬十月, 詔發府銀八百兩, 鑄鍾二口置于勝嚴寺及五鳳星樓] (“大越史記全書” 本紀, 卷之二, 李紀, 太祖皇帝, 甲寅順天五年十月条).
- (21) Yao Takao, *Sơ thảo nghiên cứu thành Thăng Long thời Lê sơ ở Việt Nam*, Thông báo Lịch sử phương Đông, Đại học Hiroshima, 12, 2007. 八尾隆生 [ヴェトナム黎朝前期昇竜城研究初稿] (“広島東洋史学報” 12/2007年). Momoki Shiro, *Xem xét lại các sử liệu văn bản liên quan đến kinh thành Thăng Long của Đại Việt (Việt Nam) thời Lý*, Machikaneyama luận tùng (Phần Lịch sử), 44, 2010. 桃木至朗 [大越(ベトナム)李朝の昇竜都城に関する文献史料の見直し] (“待兼山論叢 (史学編)” 44/2010年).
- (22) [宮城周回九里三百步, 舊名紫微城, 南面三門正南曰五鳳樓, 國初建名, 東曰興教西曰光政、隋唐舊名] (“宋会要” 方域一). Về tên gọi Ngũ Phượng Lâu, xin tham khảo thêm Dương Húc Huy, *Đường Đông đô cung thành chính môn khảo*, Báo Viện Sư phạm Đường sắt, 3, 1995. 楊旭輝 [唐東都宮城正門考] (“鐵道師院学報” 1995年第3期). Tiêu Mặc, *Ngũ Phượng Lâu danh thực khảo - Bàn về lịch sử diễn biến chế độ hình thức cung khuyết*, Tập san Bảo tàng Cố cung, 1, 1984. 蕭默 [五鳳樓名實考-兼談宮闕形制的歷史演變] (“故宮博物院院刊” 1984年01期).
- (23) *Hà Nam chí* 河南志 là cuốn địa phương chí về Hà Nam do Tống Mẫn Cầu đời Bắc Tống biên soạn. Sách nguyên có 20 quyển, hiện còn lưu được 4 quyển trong bộ *Vĩnh Lạc đại điển*.
- (24) [正南曰應天門(門上飛觀相夾, 門外即朝堂)武德四年, 以其太奢, 命行台僕射屈突通焚之, 顯慶初, 司農少卿田仁汪隨事修葺, 後又命司農少卿韋機, 更加營造, 因隋之名, 曰則天門, 神龍元年避武後尊號, 改應天門, 又避中宗尊號, 改神龍門, 尋複為應天, 天祐二年, 改五鳳樓] (“河南志”).
- (25) Về việc treo chuông tại Ngũ Phượng Lâu, có thể liên tưởng đến kiến trúc của chùa Bối Khê (Thanh Oai, Hà Nội) cũng treo chuông tại tam quan là lớp cổng thứ hai của chùa (sau Ngũ Môn). Không rõ bố cục già lam hiện nay của chùa có từ thời nào, nhưng hiện chùa vẫn lưu giữ được bệ đá hoa sen có minh văn từ thời Trần. Ngoài ra, Dương Bá Cung trong sách *Hà Nội địa dư* biên soạn vào nửa sau thế kỷ XIX cho rằng lâu Ngũ Môn thời Lê chính là Ngũ Phượng Tinh Lâu thời Lý (xin xem thêm Đỗ Thùy Lan, “Đoan Môn” ở Thăng Long - Hà Nội có từ bao giờ, tạp chí *Xưa và Nay*, số 365, 2010).
- (26) [椿踞傲無禮, 騎馬直入陽明門, 天長軍士止之, 椿以馬鞭擊傷其首, 至集賢殿, 見帷帳張設, 方下馬焉] (“大越史記全書” 本紀, 陳紀, 仁宗, 辛巳紹寶三年春正月二十九日条).

- (27) [自館行六十里, 過安化橋, 復一里至清化橋北, 其上為屋十九間, 至酋所其門曰陽明門, 上有閣曰朝天閣, 左小門曰日新門, 右小門曰雲會門, 門內天井廣深數十丈, 升自阼階, 閣下扁曰集賢殿, 上有大閣曰明靈閣, 道右廡至大殿曰德輝殿, 左門曰同樂門, 右門曰橋應門, 其扁皆金書] (“陳剛中詩集” 卷二, 安南即事).
- (28) [三十年正月, 至安南、其國有三門, 中曰陽明, 左曰日新, 右曰雲會, 陪臣郊迎, 將由日新門入, 曾大怒曰, 奉詔不由中門, 是我辱君命也, 即回館, 既而請開雲會門入, 曾復執不可, 始自陽明門迎詔入] (“元史” 卷一百七十八, 列傳第六十五, 梁曾傳).
- (29) [所居宮室五門, 額書大興之門, 左, 右掖門, 正殿九間書天安御殿, 正南門書朝天閣] (“元史” 卷二百九, 列傳第九十六. 外夷二, 安南).
- (30) [五鳳樓內正南內太極殿門, 隋曰永泰, 唐曰通天乾元, 太平興國三年名太極門] (“宋會要” 方域一).
- (31) [宣德門內正南門曰大慶, 梁曰元化, 國朝常隨正殿名改] (“宋會要” 方域一).
- (32) Với điều kiện tư liệu hiện nay, chúng ta không rõ tên gọi nào chính xác. Nhưng nếu là Cao Minh Điện thì nhiều khả năng, nó bắt nguồn từ tên gọi Cao Minh Môn - cổng chính nam của cựu thành thời Hậu Lương (đến thời Bắc Tống là Chu Tước Môn, cổng chính nam của vòng thành thứ hai - tức “lý thành” hay “khuyết thành”). [舊城周回二十里一百五十五步, 即唐汴州城, 建中初節度使李勉築, 國朝以來號曰闕城, 亦曰裏城, 南三門中曰朱雀, 梁曰高明, 晉曰薰風, 太平興國四年九月改] (“宋會要” 方域一).
- (33) [入王城及殿門下馬, 再入門曰集賢殿] (“天南行記”, “說郛” 卷五十六所引).
- (34) [自日午迎入城隍聖宮, 過翫月橋長明樓, 抵正陽門, 立道下馬, 捧詔從明陽門, 從者入雲會門, 安南僚屬入日新門, 至明霞閣下, 褥道焚香, 世子與偕太師國叔昭明王太尉國弟佐天王少保御史大夫翰林等八人登壽光殿, (中略) 而出朝天閣, 下集賢殿設宴] (“安南志略” 卷三, 附張尚書行錄). **Phần dịch nghĩa của chúng tôi có tham khảo bản dịch của Hồ Bạch Thảo trong bài viết “Ghi chép của sứ thần Nguyên về chuyến viếng thăm nước ta năm 1292” trong chuyên mục Lịch sử - Tư tưởng của trang mạng talawas.**
- (35) Ngoài ra trong trường hợp của điện Tập Hiền, vì Trần Phu miêu tả bên phải của điện Tập Hiền có con đường dẫn sang điện Đức Huy, nên chúng tôi ngờ rằng kiến trúc điện Thọ Quang - gác Minh Hà trong mô tả của Trương Lập Đạo nằm ở bên trái điện Tập Hiền.
- (36) [入宣德樓正門, 乃大慶殿, 庭設兩樓, 如寺院鍾樓, 上有太史局保章正測驗刻漏, 逐時刻執牙牌奏] (“東京夢華錄” 卷一, 大內).
- (37) [文德殿, 後唐曰端明, 國初改文明, 太平興國九年五月殿災改今名, 即正衙殿, 太祖時元朔, 亦御此殿, 其後常陳入閣, 儀如大慶殿, 饗明堂恭謝天地即齋於殿之後閣, 熙寧以後月朔視朝御此殿(中略) 殿庭東南隅有鼓樓, 其下漏室, 西南隅鐘] (“宋會要” 方域一).
- (38) [正殿曰太極殿, 前有日月樓, 日華月華門] (“宋史” 卷八十五, 地理一, 京城). [殿前有左右龍尾道, 日樓月樓] (“宋會要” 方域一).
- (39) [宮後有崇政殿, 舊名簡賢講武, 太平興國二年改今名] (“宋史” 卷八十五, 地理一, 京城, 東京). [大慶殿, 行冊禮則御焉, 講武殿, 閱武則御焉] (“宋史” 卷一百五十四, 輿服六, 宮室制度).
- (40) [保寧門, 門西有隔門, 門內面南有講武殿, 唐曰文思毬場, 梁以行從殿, 為興安殿毬場, 後改今名] (“宋會要” 方域一).
- (41) [後唐曰端明, 國初改文明, 太平興國九年五月丁丑殿災, 七月壬子改今名, 即正衙殿, 一本云, 乾德三年八月, 文明殿成, 雍熙元年七月, 改為文德殿] (“玉海” 卷一百六十).
- (42) [次北曰文明殿, 唐曰真觀, 梁曰文明殿, 東南隅有鼓樓, 西南隅有鐘樓] (“宋會要” 方域一).
- (43) Theo *Đông kinh mộng hoa lục*, điện Đại Khánh là nơi tổ chức “đại lễ, xa giá trai túc, triều hội vào ngày chính sóc”. [大禮, 車駕齋宿, 及正朔朝會於此殿] (“東京夢華錄” 卷一, 大內).
- (44) [西有垂拱殿, 舊名長春, 明道元年改, 常日視朝之所也] (“宋史” 卷八十五, 地理一, 京城, 東京).
- (45) [後兩國同入貢, 占城使者乞避交人, 詔遇朔日朝文德殿, 分東西立, 望日則交人入垂拱殿, 而占城趨紫宸, 大宴則東西坐] (“宋史” 卷四百八十九, 列傳, 外國五, 占城國).
- (46) [是歲東殿震, 視朝于西殿, 起造三殿, 前殿視朝, 後二殿聽政] (“大越史記全書” 本紀, 卷之二, 李紀, 太祖皇帝, 庚申順天十一年冬十月条).

- (47) [庚午三年(宋天聖八年)春二月,起天慶殿於長春殿前,為聽政之所,其制為八角,殿之前後並駕鳳凰橋] (“大越史記全書”本紀,卷之二,李紀,庚午天成三年二月條). [天成三年,起天慶殿,後架鳳凰樓] (“大越史略”卷中,庚午天成三年條).
- (48) [垂拱殿,舊曰長春,明道元年十月改,勤政十一月改今名,即常日視朝之所,節度使及契丹使辭見亦宴此殿,其後福寧殿,國初曰萬歲,大中祥符七年改誕慶,明道元年十月改今名,殿即正寢殿] (“宋會要”方域一).
- (49) [北有紫宸殿,舊名崇德,明道元年改,視朝之前殿也] (“宋史”卷八十五,地理一,京城,東京).
- (50) [五年,交趾郡王李公蘊遣使來貢,對於崇德殿] (“玉海”卷一百六十). [十七日公蘊上言(中略)遣節度使使馮振,左都押衙李皋詣闕,貢馬六十疋獻捷,召見崇德殿,賜冠帶器幣馬,有差] (“宋會要”方域一).
- (51) [庚戌神武二年,夏三月,造紫宸殿] (“大越史略”卷中,庚戌神武二年三月條).
- (52) [又次西有集英殿,舊名廣政,(晉天福二年改元德為廣政)開寶三年曰大明,淳化間曰含光,大中祥符八年名會慶,明道元年十月改今名,宴殿也] (“宋史”卷八十五,地理一,京城,東京). [集英殿舊曰元德,亦曰廣政,開寶三年改大明,淳化元年二月己酉改含光,祥符八年六月十五日甲子改會慶,明道元年十月甲辰改元和,尋改今名] (“玉海”卷一百六十,宮室).
- (53) [含光殿宴殿] (“宋會要”方域一).
- (54) [辛亥順天二年(中略)是歲,又於城內起太清宮,萬歲寺,鎮福藏,城外建四天王寺,衣錦寺,龍具聖壽寺,又起含光殿於瀘東步] (“大越史略”卷中,辛亥順天二年).
- (55) Ví dụ ghi chép của Đại Việt sử lược năm 985, 1036, 1098 ghi rõ là “cạnh độ lễ” 競渡禮.
- (56) [天福五年,秋七月丁巳,王之誕辰也,使造舟江中,以竹作假山於舟上,號南山,遂設競渡禮] (“大越史略”卷上,乙酉天福五年秋七月丁巳條).
- (57) [(集英殿)春秋誕聖節錫,宴此殿] (“玉海”卷一百六十,宮室).
- (58) [六月,起靈光殿,左立建禮殿,右立崇儀殿,殿前構獨柱六角蓮花鐘樓] (“大越史略”卷中,戊戌龍瑞太平五年六月條).
- (59) [二月,移造靈光殿於東步頭,號風水殿] (“大越史記全書”本紀,卷之五,陳紀,太宗皇帝,丁酉天應政平六年二月條).
- (60) [秋八月,王幸廣慈宮,觀競渡] (“大越史略”卷下,己巳大定十年八月條). [設競渡宴禮於後宮] (“大越史略”卷下,甲寅天資嘉瑞九年七月條).
- (61) [令武衛黎伯玉宣示王侯及文武臣僚,退于大興門外,使諸城吏閉門謹守,毋得往來出入,仍命禁軍介之以兵,立天安殿下,既而令開右掖門,召群臣入于龍墀] (“大越史記全書”本紀,卷之三,李紀,仁宗皇帝丁未天符慶壽元年十二月條).
- (62) Trước đây, từng xuất hiện một số ý kiến cho rằng Đuan Môn thời Lý có cùng vị trí với Đuan Môn - cổng chính nam của cấm thành thời Lê. Giả thuyết này dường như bắt nguồn từ một ghi chép trong sách *Công dư tiếp ký* do Vũ Phương Đề soạn vào thế kỷ XVIII, cho biết “khi đó (vào thời Lê), Đuan Môn trong thành và các cửa Đại Hưng, Đông Hoa đã được xây dựng vào thời Lý” [時城內端門及大興東花等門,自李朝嘗築] (“公餘捷記”尚書武有記). Liên quan đến Đuan Môn thời Lê, xin tham khảo Đỗ Thùy Lan, “Cửa nam và cửa tây của Cấm thành Thăng Long thời Lý - Trần - Lê”, tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 7, 2010.
- (63) [建廣昭之登(燈)台,向端門之廷上] (大越國李家第四帝崇善延齡塔碑).
- (64) [庚寅會祥大慶元年,春正月,設廣昭燈會於大興門外] (“大越史略”卷下,庚寅會祥大慶元年正月條). [丙申會祥大慶七年,春正月,設廣照燈於大興門外,製木僧擊鐘] (“大越史略”卷下,庚寅會祥大慶七年正月條).
- (65) Tường Phù Môn được xây dựng năm 1010 khá đơn giản, đến năm 1058 mới được khởi công xây thêm một tòa lầu ở phía trên. [戊戌龍瑞太平五年起壺天八角殿於金鳴池,三月闕祥符門起樓其上] (“大越史略”卷中,戊戌龍瑞太平五年三月條).
- (66) [東華門內一門曰左承天祥符,乾德六年賜名,大中祥符元年正月,天書降其上,詔加祥符二字,而增葺之] (“宋史”卷八十五,地理一,京城,東京).
- (67) [蒼龍,金虎門內第二隔門曰膺福,千秋,因隋唐舊名] (“宋史”卷八十五,地理一,京城,西京).
- (68) [十一月,起長廊,自千秋門至客樓] (“大越史略”卷下,丙子大定十七年十一月條).

- (69) [秋八月，順流，快以秉彝之死，大率舟師攻京師，前軍泊於東步，由左掖門直入禁中，盜取寶物，大軍泊天河步，欲從千秋門入，至雨師觀，為列侯高軻伏於軫園，射一卒中乳] (“大越史略” 卷下，己巳治平龍應五年八月条).
- (70) [殿兩挾有東上西上閣門] (“宋會要” 方域一).
- (71) [內有文明殿，旁有東上閣門，西上閣門，前有左右延福門] (“宋史” 卷八十五，地理一，京城，西京).
- (72) Về thành Đại La, xin tham khảo Phạm Lê Huy, “Diện mạo và vị trí địa lý An Nam Đô hộ phủ thời thuộc Đường”, tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 429(1), 2012, tr. 34-51; số 430(2), 2012, tr. 42-51.
- (73) [城上短牆曰女牆，所謂障也，今人謂之女頭] (“資治通鑑” 卷一百四十七，梁紀三，高祖三).
- (74) [亦曰女牆，言其卑小比之於城，若女子之於丈夫也] (“釋名” 卷五).
- (75) [冬十月(中略)築昇龍京四圍土城，改應天府為南京] (“大越史記全書”). [改應天府為南京] (“大越史略” 卷中，甲寅順天五年条).
- (76) [大中祥符七年，建應天府為南京] (“宋史” 卷八十五，地理一，京城，南京). [丙辰升應天府為南京] (“續資治通鑑長編” 卷八十二，真宗，大中祥符七年正月丙辰条).
- (77) [秋七月辛丑，交州李公蘊敗鶴柘蠻，獻捷] (“宋史” 卷八，本紀，大中祥符七年七月辛丑条).

TÓM TẮT

Nhằm góp phần phục dựng một cách chính xác quy hoạch của hoàng thành Thăng Long thời Lý-Trần, tác giả đã tiến hành nghiên cứu so sánh tên gọi, vị trí (bố cục), công năng của các công trình kiến trúc giữa hoàng thành Thăng Long với các đô thành Lạc Dương và Khai Phong của Trung Quốc. Kết quả cho thấy quy hoạch và các công trình kiến trúc chính của hoàng thành Thăng Long giai đoạn đầu (1010-1029) đã chịu ảnh hưởng rõ nét của các mô hình đô thành Lạc Dương và Khai Phong, nhưng từ giữa thế kỷ 11 trở đi, những ảnh hưởng này ngày càng nhạt dần trước sự lớn mạnh của Đại Việt.

Trong điều kiện tư liệu hết sức hạn hẹp hiện nay, những nghiên cứu so sánh này ít nhiều cung cấp cho chúng ta một số kiến thức và hình dung rõ nét hơn về không gian của hoàng thành Thăng Long thời Lý-Trần. Bên cạnh đó, bài viết cũng cung cấp một số đầu mối giúp giải mã các dấu vết kiến trúc của hoàng thành Thăng Long phát lộ tại khu vực 18 Hoàng Diệu (Hà Nội) và góp phần định hướng cho hoạt động khai quật trong thời gian tới.

ABSTRACT

INFLUENCE OF THE MODELS OF THE CAPITAL CITIES OF LẠC DƯƠNG AND KHAI PHONG ON THĂNG LONG ROYAL CITADEL PLANNING UNDER THE DYNASTIES OF LÝ-TRẦN

In order to contribute to the accurate reproduction of Thăng Long royal citadel planning under the dynasties of Lý-Trần, the author conducts research on the names, locations (layout), and functions of the structures between Thăng Long royal citadel with the capital cities of Lạc Dương (Luoyang) and Khai Phong (Kaifeng) in China. The results show that the planning and architecture of Thăng Long royal citadel in the first phase (1010-1029) were evidently influenced by the models of the capital cities of Lạc Dương and Khai Phong, but from the mid-11th century on, those influences were gradually faded due to the strong growth of Đại Việt.

Although documentation is very limited at present, the comparative study, more or less, gives us some knowledge and a clearer picture of the space of Thăng Long royal citadel planning under the dynasties of Lý-Trần. In addition, the article also provides us some clues to help decipher architectural traces of Thăng Long royal citadel unearthed in the area of 18 Hoàng Diệu Street (Hà Nội) and help to shape excavation activities in the future.